

Phân tích kỹ thuật đầu tư thị trường chứng khoán

Thị trường chứng khoán đang trở thành một điểm nóng thu hút sự quan tâm rất lớn của một đối tượng trong xã hội. Cùng với sự quan tâm đó, giới tham gia thị trường chứng khoán cũng bắt đầu quan tâm đến những kỹ thuật ứng dụng trong phân tích và đánh giá để đưa ra quyết định đầu tư phù hợp. Hai hệ thống kỹ thuật phân tích được nói đến nhiều nhất là phân tích cơ bản và phân tích kỹ thuật. Trong khi đa số chúng ta đều ít nhiều có những kiến thức nhất định về phân tích cơ bản thì số lượng người hiểu và nắm về phân tích kỹ thuật còn hạn chế, hơn thế nữa khả năng ứng dụng và tính chính xác của nó còn là một vấn đề đang bàn cãi hàng trăm năm nay. Để thành viên Saga cũng có kiến thức nhất định về khía cạnh phân tích kỹ thuật, chúng tôi quyết định cung cấp loạt bài nghiên cứu về phân tích cơ bản. Đây là loạt bài lấy từ bài nghiên cứu của hai thành viên của Saga. Hy vọng có thể giúp các bạn một chút về kiến thức và nhận được góp ý của các Saganors.

Lịch sử hình thành

Lịch sử của Phân tích kỹ thuật bắt nguồn từ cách đây hơn 100 năm, từ một người tên là Charles H. Dow. Ông là người đã sáng lập lên tạp chí phổ Wall (The Wall Street Journal). Sau nhiều năm nghiên cứu, năm 1884 ông đưa ra chỉ số bình quân của giá đóng cửa của 11 cổ phiếu quan trọng nhất thị trường Mỹ thời gian đó. William Peter Hamilton là người thực sự mang lại sức sống cho những nghiên cứu của Dow bằng việc tiếp tục nghiên cứu và xuất bản cuốn sách "The Stock Market Barometer" (Phong vũ biểu thị trường chứng khoán) vào năm 1922. Suốt những năm 1920 và 1930, Richard W. Schabacker là người đã đi sâu vào những nghiên cứu của Dow và Hamilton, Schabacker là người đã đưa ra khái niệm đầu tiên về Phân tích kỹ thuật. Schabacker từng là chủ biên của tạp chí Forbes nổi tiếng. Ông chỉ ra rằng những dấu hiệu mà lý thuyết Dow đưa ra được với chỉ số bình quân thị trường vẫn giữ nguyên giá trị và tầm quan trọng khi áp dụng vào đồ thị của từng cổ phiếu riêng lẻ. Điều này đã được ông thể hiện và chứng minh trong cuốn sách của mình: "Stock Market Theory and Practice, Technical Market Analysis and Stock Market Profit". Như vậy những cơ sở đầu tiên của Phân tích kỹ thuật đã xuất hiện từ trong lý thuyết Dow, nhưng phải đến Schabacker – người cha của Phân tích kỹ thuật hiện đại tiếp đó là Edward và Magee với "Technical Analysis of Stock Trend" (cuốn sách đã được tái bản 8 lần) và ngày nay là John Murphy, Jack Schwager, Martin Pring, ... thì mới thực sự ra đời cái tên "Phân tích kỹ thuật" và được nâng cao, tổng kết thành một hệ thống lý luận quan trọng trong phân tích đầu tư trên thị trường chứng khoán nói riêng và thị trường tài chính nói chung.

Các quan điểm về Phân tích kỹ thuật

Nguyên lý của thành công trong đầu tư chứng khoán là dựa trên giả định rằng trong tương lai người ta sẽ tiếp tục lặp lại những sai lầm mà họ đã mắc phải trong quá khứ.

(Edwin Lefevre, Reminiscences of a Stock Operator)

Thị trường chứng khoán hay bất kì thị trường nào đều không bao giờ phản ánh đúng giá trị thực của một hàng hóa được trao đổi bên trong đó mà nó phản ánh giá trị mà nhà đầu tư nhận thức được và cho rằng nó đáng giá như thế.

Giá của bất kì một chứng khoán đã cho nào đều không chỉ ra mối quan hệ thực tế giữa cung và cầu mà là phản ánh kỳ vọng tương lai của cung và cầu.

Vậy "Phân tích kỹ thuật" là gì? Nhiều nhà quan sát coi Phân tích kỹ thuật là một tập hợp những mảnh khoe và cần đến sự tập luyện nghiêm túc thực sự. Những người vận dụng kết quả sau quá trình tập luyện ấy còn được gọi là "pháp sư". Nhiều người hiểu về tính đúng đắn của công việc

này nhưng họ vẫn đặt ra câu hỏi về tính chính xác trong dự báo các xu thế chính trên thị trường chứng khoán và thị trường các loại hàng hóa khác. Bản thân trong những người sử dụng Phân tích kỹ thuật cũng không có một sự thống nhất về quan điểm về bản chất của Phân tích kỹ thuật vì Phân tích kỹ thuật có thể được hiểu thuần túy là một khoa học mà cũng có thể được hiểu là một nghệ thuật.

Hiểu một cách rộng nhất thì Phân tích kỹ thuật luôn cố gắng nghiên cứu tình trạng “sức khỏe hiện tại của toàn thị trường hay của mỗi chứng khoán với mục đích là nhằm dự báo biến động tương lai của giá bằng cách dựa trên những kinh nghiệm có được với các hình mẫu kỹ thuật (hay mô hình kỹ thuật) thị trường đã xuất hiện trong quá khứ và áp dụng lại khi có mô hình tương tự xuất hiện. Giả thuyết căn bản trong Phân tích kỹ thuật là những kiến thức đã có về giá và hình mẫu đồ thị trong quá khứ sẽ được sử dụng “tham khảo” nhằm xác định giá có xu thế như thế nào trong tương lai đối với mỗi thị trường cụ thể.

Ta sẽ xem xét một số định nghĩa đã được đưa ra về Phân tích kỹ thuật :

Nick và Barbara Apostolous định nghĩa Phân tích kỹ thuật là *“quá trình dự báo biến động giá chứng khoán trong tương lai dựa trên cơ sở phân tích những biến động trong quá khứ của giá và các áp lực cung cầu có ảnh hưởng đến giá”*. Tuy nhiên định nghĩa này làm cho Phân tích kỹ thuật dường như trở lên gần tương đương với phân tích cơ bản - là quá trình ước lượng giá trị chứng khoán hay hàng hóa bằng cách phân tích các điều kiện kinh tế tài chính cơ bản mỗi công ty, mỗi ngành,...

Norman Fosback, trong cuốn “Stock Market Logic”:

“Nếu như bản chất của phân tích cơ bản là việc xác định giá trị và xác định mua hay bán cổ phiếu khi giá trên thị trường sai lệch khỏi giá trị thực, thì Phân tích kỹ thuật lại dựa trên 2 giả thuyết cơ bản khác hoàn toàn. Thứ nhất, những ước lượng mang tính chủ quan là quá mơ hồ và không thích hợp và thứ hai là dao động giá trong tương lai có thể dự đoán được qua việc phân tích biến động giá trong quá khứ, phân tích mối quan hệ cung - cầu và một số yếu tố khác có ảnh hưởng trực tiếp đến giá cả thị trường “

Clifford Pistoiese đã đưa ra định nghĩa khá đầy đủ như sau: *“Phân tích kỹ thuật là việc sử dụng biểu đồ giá và khối lượng giao dịch làm cơ sở cho các quyết định đầu tư. Cơ sở căn bản cho hướng tiếp cận này là ở chỗ các thông tin về giá và khối lượng trên biểu đồ phản ánh tất cả những gì diễn ra về việc mua hay bán một loại cổ phiếu. Vì biểu đồ cổ phiếu tóm tắt và phản ánh kết quả thực của các giao dịch đã thực hiện nên Phân tích kỹ thuật là cơ sở duy nhất cho việc ra các quyết định đầu tư”*

R. W. Schabacker, người cha đẻ của Phân tích kỹ thuật hiện đại đã mô tả Phân tích kỹ thuật như *“một môn khoa học mới”*. Schabacker giải thích rằng tất cả những yếu tố phân tích cơ bản hợp lý đều mang đến tình trạng thị trường đi xuống và chúng được đánh giá, tự động đưa vào và lưu lại trong các mức cân bằng thực trên biểu đồ chứng khoán. Ông còn mô tả sâu hơn đặc tính của biểu đồ cổ phiếu hay biểu đồ các loại hàng hóa khác như là một bộ nhớ hoàn hảo của thị trường và khẳng định chắc chắn rằng giá trị chủ yếu của một biểu đồ giá vượt ra ngoài ý nghĩa thực tế là một bức tranh ghi lại những giao dịch trong quá khứ.

Định nghĩa cụ thể của Schabacker như sau:

“Việc Phân tích kỹ thuật các biến động thị trường là một khía cạnh của phân tích, dựa trên cơ sở những hiện tượng phát sinh từ chính thị trường, bỏ qua những tác động của các yếu tố trong phân tích cơ bản và các yếu tố khác.

Trên thực tế Phân tích kỹ thuật có thể được giải thích đơn giản chỉ là phát biểu một cách đối lập lại với việc xem xét theo trường phái phân tích cơ bản. Khía cạnh cơ bản của phân tích thị trường nhắm mỗi quan tâm đặc biệt vào những yếu tố như doanh nghiệp phát hành cổ phiếu, việc kinh doanh của doanh nghiệp, tiềm năng, hoạt động trong quá khứ, thu nhập hiện tại và tương lai,

bảng cân đối kế toán, sức mạnh tài chính, chất lượng của đội ngũ lãnh đạo doanh nghiệp, ... Các yếu tố kỹ thuật là những gì có thể được coi là tổng thể các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng biến động về giá cổ phiếu sau khi đã bỏ qua các yếu tố thuộc phân tích cơ bản và những yếu tố không thực sự có ảnh hưởng. ”

Còn theo **Edward và Magee** thì:

“Phân tích kỹ thuật là môn khoa học của sự ghi nhận lại, thường là dưới dạng đồ thị, những hoạt động giao dịch diễn ra trong quá khứ gây lên những thay đổi về giá, khối lượng giao dịch, ... của một chứng khoán bất kì hay với chung toàn bộ thị trường và sau đó sẽ dựa trên “bức tranh về quá khứ” đó để suy luận ra xu thế có thể xảy ra trong tương lai”

Không phải ngẫu nhiên mà cuốn sách **“Technical Analysis of Stock Trend”** của Edward và Magee lại được tái bản tới 8 lần, đây là quyển sách mang tính đầy đủ nhất và cơ bản nhất khi tìm hiểu về Phân tích kỹ thuật, vì vậy để có thể hiểu rõ thì rất cần nghiên cứu kĩ cuốn sách này. ở đây sẽ trích dẫn thêm một số đoạn nhằm giúp người đọc hiểu kĩ hơn “...những nhà Phân tích kỹ thuật luôn phát biểu với lý luận đầy đủ còn lượng thông tin, dữ liệu mà phân tích cơ bản nghiên cứu là quá cũ và không còn giá trị sử dụng. Bởi vì tâm lý thị trường không quan tâm đến quá khứ và thậm chí là cả hiện tại, thị trường luôn hướng về phía trước, cố gắng phản ánh những tăng trưởng trong tương lai, xem xét đo lường và làm cân bằng tất cả những ước lượng, dự đoán của hàng trăm nhà đầu tư - những người cùng nhìn vào tương lai nhưng dưới những góc độ hoàn toàn khác nhau và với những cặp kính nhiều màu sắc. Tóm lại, giá thị trường được tạo lên bởi bản thân thị trường, bao gồm tất cả những thông tin thuộc về cơ bản mà những người phân tích thống kê muốn tìm hiểu cùng với nhiều những nguồn thông tin khác có tầm quan trọng ngang hoặc lớn hơn nhiều...”

Edward và Magee còn đưa ra 4 điểm căn bản sau về Phân tích kỹ thuật:

- Giá trị thị trường của một chứng khoán được xác định duy nhất thông qua tác động qua lại giữa cung và cầu.
- Cung và cầu chịu ảnh hưởng, ở bất kì thời điểm nào, bởi hàng trăm những yếu tố, một số là ảnh hưởng hợp lý, một số hầu như phi lý. Thông tin, ý kiến, tâm lý, dự đoán,...(có thể đúng, có thể sai,...) về tương lai kết hợp và trộn lẫn với nhau và với những yếu tố cần thiết khác để tạo thành sự cân bằng chung của toàn thị trường. Không một cá nhân nào có thể nắm lấy và định lượng những điều này mà thị trường sẽ tự thực hiện.
- Bỏ qua những dao động nhỏ thì giá nhìn chung sẽ vận động theo những xu thế giá chung của thị trường, những xu thế này là ổn định trong một khoảng thời gian tương đối dài.
- Những thay đổi trong xu thế thị trường thể hiện qua sự dịch chuyển của điểm cân bằng cung cầu dù là vì bất kì nguyên nhân nào đều có thể xác định sớm hơn hoặc muộn hơn thời điểm thị trường biến động.

Cuối cùng ta sẽ xem xét định nghĩa của **Steven B. Achelis**, tác giả của cuốn sách **“Technical Analysis from A to Z”**:

“Phân tích kỹ thuật là việc nghiên cứu giá, với công cụ cơ bản là biểu đồ, nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động đầu tư...”

Xét cho cùng định nghĩa về Phân tích kỹ thuật cũng chỉ cần đơn giản như vậy còn cụ thể bản chất, cách thực hiện sẽ được nghiên cứu ở các phần tiếp theo đặc biệt là phần **lý thuyết Dow**.

Những giả định cơ sở và những bàn luận xung quanh việc áp dụng Phân tích kỹ thuật vào thị trường chứng khoán.

1. Những giả định cơ sở

Phân tích kỹ thuật là sự nghiên cứu biến động của thị trường, chủ yếu thông qua việc sử dụng các đồ thị nhằm mục đích dự đoán các xu thế biến động của giá trong tương lai.

Thuật ngữ “*biến động của thị trường*” ám chỉ ba yếu tố biến động chính cung cấp thông tin cho quá trình Phân tích kỹ thuật là giá, khối lượng giao dịch và số lượng hợp đồng chưa tất toán (open interest).

Có 3 giả định làm cơ sở cho việc tiếp cận Phân tích kỹ thuật:

- Biến động thị trường phản ánh tất cả
- Giá dịch chuyển theo xu thế chung
- Lịch sử sẽ tự lặp lại

Biến động thị trường phản ánh tất cả.

Đây có thể coi là **nền tảng** của Phân tích kỹ thuật. Mọi lý thuyết, phân tích khác muốn được chấp nhận thì trước tiên phải hiểu và chấp nhận giả định này. Các nhà Phân tích kỹ thuật cho rằng bất cứ yếu tố nào có khả năng ảnh hưởng đến giá như tâm lý, chính trị hay các yếu tố tài chính của doanh nghiệp, tổ chức. . . đều được phản ánh rõ trong giá thị trường. Do đó có người cho rằng việc nghiên cứu biến động của giá là tất cả những gì ta cần và thực sự không thể phản đối lại ý kiến này.

Trên cơ sở nhận thức chung về việc giá phản ánh những biến động trong cung, cầu. Các nhà Phân tích kỹ thuật chỉ ra rằng khi giá tăng dù vì bất kỳ lý do gì thì cầu phải vượt cung và thị trường tăng giá. Chúng ta cũng đều biết và đồng ý rằng động lực chính của cung và cầu là những yếu tố kinh tế căn bản, chúng làm hình thành lên Bull Market hay Bear Market, còn đồ thị thì không tự nó làm cho thị trường dịch chuyển lên hay xuống. Đồ thị chỉ có thể phản ánh tình hình thị trường mà thôi.

Giá vận động theo xu thế

Khái niệm về xu thế là khái niệm vô cùng quan trọng trong Phân tích kỹ thuật do đó cần hiểu kỹ về giả định này trước khi muốn tìm hiểu sâu thêm về nó. Mục đích của việc xác lập đồ thị mô tả những biến động giá trên thị trường là nhằm xác định được sớm những xu thế giá, từ đó sẽ tham gia giao dịch trên cơ sở những xu thế này. Trên thực tế những kĩ thuật ở đây đều mang tính lặp lại những xu thế giá có từ trước tức là mục đích của Phân tích kỹ thuật là nhằm xác định sự lặp lại của những dạng biến động của giá đã xuất hiện trong quá khứ để có thể tận dụng kinh nghiệm và đưa ra những quyết định phù hợp.

Từ giả định này chúng ta còn có một hệ quả là “*một xu thế giá đang vận động sẽ tiếp tục theo xu thế của nó và ít khi có đảo chiều*”. Hệ quả này rút ra từ định luật 1 về sự vận động của Newton, do đó nó cách phát biểu khác như sau: “*một xu thế đang vận động sẽ tiếp tục theo xu thế của nó cho đến khi nó đảo chiều*”. Nhìn chung tất cả những nghiên cứu nhằm tiếp cận theo các xu thế đều nhằm để đi theo những xu thế giá hiện tại cho đến khi có dấu hiệu đảo chiều.

Lịch sử sẽ tự lặp lại.

Phần lớn nội dung của Phân tích kỹ thuật và việc nghiên cứu biến động thị trường đều phải nhằm vào nghiên cứu tâm lý con người. Chẳng hạn như những mô hình giá, những mô hình này đã được xác định và chứng minh từ hơn 100 năm nay, chúng giống như những bức tranh về đồ thị biến động giá. Những bức tranh này chỉ ra tâm lý của thị trường đang là lên giá hay xuống giá. Việc áp dụng những mô hình này đã phát huy hiệu quả trong quá khứ và được giả định rằng sẽ vẫn tiếp tục có hiệu quả trong tương lai bởi chúng dựa trên phân tích nghiên cứu tâm lý con

người mà tâm lý con người thì thường không thay đổi. Như thế giả định này có thể được phát biểu là: “Chìa khóa để nắm bắt tương lai nằm trong việc nghiên cứu quá khứ” hay “tương lai chỉ là sự lặp lại của quá khứ”

2. Những bài luận xung quanh việc áp dụng Phân tích kỹ thuật vào thị trường chứng khoán

Dự đoán trong phân tích cơ bản đối lập với trong Phân tích kỹ thuật

Trong khi Phân tích kỹ thuật tập trung vào việc nghiên cứu biến động thị trường thì Phân tích cơ bản lại tập trung vào các động lực kinh tế của cung và cầu - những nguyên nhân gây ra sự vận động của giá. Phân tích cơ bản tiếp cận theo hướng phân tích các thành tố có liên quan ảnh hưởng đến giá thị trường nhằm xác định giá trị thực của một loại chứng khoán - giá trị được xác định thông qua cung cầu và cuối cùng là để xác định các điểm thị trường bán trên giá trị thực tế (overprice) và các điểm thị trường bán dưới giá trị thực (underprice). Cả hai hướng tiếp cận theo Phân tích cơ bản và Phân tích kỹ thuật đều nhằm xác định xu thế mà giá có thể vận động tuy nhiên cách tiếp cận là khác nhau: những nhà phân tích cơ bản thì nghiên cứu nguyên nhân của những biến động thị trường trong khi những nhà Phân tích kỹ thuật lại nghiên cứu tác động của các biến động ấy.

Một số nhà đầu tư tự coi mình là người theo Phân tích cơ bản hay Phân tích kỹ thuật nhưng thực tế có rất nhiều sự trùng lặp: nhiều nhà Phân tích cơ bản có áp dụng những nguyên lý của Phân tích kỹ thuật trong công việc của mình trong khi hầu hết các nhà Phân tích kỹ thuật lại ít nhiều đều có thời kỳ đi theo Phân tích cơ bản.

Thường thì vào những giai đoạn bắt đầu của một số biến động quan trọng của thị trường những nhà Phân tích cơ bản không giải thích và không ủng hộ những gì mà thị trường chuẩn bị diễn ra. Chính tại những thời điểm nhạy cảm này mà hai trường phái phân tích tỏ ra khác nhau nhất. Hai trường phái này rồi sẽ lại giống nhau ở một số điểm nhưng nếu nhà đầu tư nào muốn dựa vào những điểm đó để làm cơ sở chắc chắn cho các quyết định của mình thì nó sẽ là quá muộn.

Một cách giải thích cho mâu thuẫn này là “giá thị trường có vai trò chỉ dẫn cho những người nghiên cứu Phân tích cơ bản” hoặc có thể nói giá thị trường là chỉ số dẫn đạo cho những nhà phân tích cơ bản. Những người có nghiên cứu về Phân tích kỹ thuật đều có thể nhận thấy những thay đổi về giá có tác động đến thị trường, hay là họ đã theo nhịp của thị trường, còn những người theo phân tích cơ bản lại chịu ảnh hưởng từ những biến động ấy. *Những thời điểm thị trường lên giá mạnh và giảm giá trầm trọng được ghi nhận trong lịch sử thường do sự không nhận thức được hoặc nhận thức được quá ít những thay đổi thị trường và cho đến khi những biến động ấy được nhận thức rộng rãi thì bản thân nó đã chuyển hướng và vận động theo hướng khác rồi.*

Phân tích và chọn thời điểm có đối lập với nhau không?

Quay lại với Phân tích kỹ thuật, quá trình ra quyết định có thể được chia thành 2 giai đoạn là phân tích và chọn thời điểm. Với những thị trường có “tác động đòn bẩy” lớn chẳng hạn như thị trường tương lai (thị trường có các công cụ phái sinh như: hợp đồng tương lai - futures và hợp đồng quyền chọn - Options) thì việc xác định thời điểm tham gia vào có vai trò rất quan trọng bởi hoàn toàn có trường hợp bạn đã phân tích và theo đúng tình hình thị trường nhưng bạn vẫn có thể mất tiền của mình. Cho dù mức tiền đặt cọc đối với thị trường tương lai là nhỏ (chỉ khoảng 10%) thì dù chỉ một lượng rất nhỏ giá vận động sai hướng có thể tác động đẩy nhà đầu tư ra khỏi thị trường và mất toàn bộ mức tiền đặt cọc ấy. Trái lại trong giao dịch trên thị trường chứng khoán, khi một nhà đầu tư nhận thấy mình đang lệch khỏi thị trường đối với một loại cổ phiếu nào đó thì anh ta chỉ việc đơn giản là giữ lại cổ phiếu đó và đợi cho đến khi cổ phiếu đó quay lại

xu thế thị trường. Những người đầu tư vào thị trường tương lai sẽ không có đặc quyền ấy. Chiến lược “mua và nắm giữ” không thể áp dụng để đầu tư kiếm lời trên thị trường tương lai.

Khi phân tích ta có thể áp dụng theo cơ bản hay kỹ thuật, nhưng để trả lời câu hỏi về xác định thời điểm tham gia vào hay thoát ra khỏi thị trường thì câu trả lời nằm hoàn toàn trong Phân tích kỹ thuật. Việc xác định thời điểm có ý nghĩa rất quan trọng với quyết định mua hay bán. Do đó khi xem xét các bước tiến hành của nhà đầu tư trước khi đưa ra quyết định cuối cùng ta có thể thấy việc áp dụng các nguyên lý của Phân tích kỹ thuật là không thể bỏ qua tại một số thời điểm của quá trình ra quyết định cho dù ở phần đầu của quá trình này khi tiến hành phân tích nhà đầu tư có thể áp dụng theo phân tích cơ bản.

Tính linh hoạt và tính thích dụng của Phân tích kỹ thuật.

Một trong những thế mạnh lớn của Phân tích kỹ thuật là sự thích dụng của nó trong bất kì phương thức giao dịch nào và vào với bất kì khoản thời gian giao dịch nào. Không có một phần nào trong giao dịch chứng khoán hay các chứng khoán phái sinh mà Phân tích kỹ thuật không thể ứng dụng được.

Một nhà phân tích đồ thị có thể sử dụng đồ thị trong bất kì và bao nhiêu thị trường tùy thích, nhưng điều này là không thể với một người sử dụng Phân tích cơ bản. Điều này là do với mỗi thị trường một người áp dụng Phân tích cơ bản sẽ phải xử lý một khối lượng dữ liệu khổng lồ, nó cũng nói lên tại sao một người Phân tích cơ bản chỉ có thể chuyên vào một hay một nhóm nhỏ chứng khoán nhất định - những ưu thế này của Phân tích kỹ thuật là không thể bỏ qua.

Mỗi thị trường đều phải trải qua những thời kỳ thị trường biến động mạnh và những thời kỳ trầm lắng, những giai đoạn mà giá biến động theo những xu thế rõ ràng và những giai đoạn mà xu thế của giá rất mờ nhạt thậm chí là không có một xu thế cụ thể nào. Khi đó những nhà Phân tích kỹ thuật có thể tập trung sự quan tâm cũng như nguồn lực của mình vào những thị trường có chu kỳ vận động rõ ràng hơn và bỏ qua những thị trường loại kia. Điều này có nghĩa là họ có thể chuyển hướng đầu tư để tận dụng tính luân phiên tự nhiên của các thị trường. Vào những thời điểm khác nhau có những thị trường trở lên “nóng”, có xu thế rõ ràng. Thông thường, tiếp theo những thời kỳ có xu thế giá cụ thể ấy là những thời kỳ giá biến động khá trầm và hầu như không có xu thế nào rõ rệt, trong khi đó ở một hay một nhóm thị trường khác lại có những dấu hiệu biến động nóng. Tóm lại, một nhà Phân tích kỹ thuật có thể tìm và tham gia những thị trường mà họ thấy có khả năng kiếm lời nhanh chóng, còn những nhà Phân tích cơ bản thì không có tính linh hoạt ấy do tính chuyên sâu vào một loại thị trường như đã nói ở trên. Mặc dù họ hoàn toàn có quyền chuyển hướng quan tâm của mình vào một thị trường khác, nhưng điều ấy cũng có nghĩa là họ phải đối mặt với việc xử lý một khối lượng lớn các dữ liệu của thị trường mới này và rõ ràng là họ sẽ mất rất nhiều thời gian.

Một lợi thế khác của các chuyên gia Phân tích kỹ thuật là họ có “bức tranh tổng thể về thị trường”. Bởi vì họ theo dõi và nghiên cứu nhiều loại thị trường khác nhau nên họ luôn có được cảm nhận rất tốt về những biến động chung nhất của toàn thị trường, tránh được rơi vào tình trạng có những cái nhìn bó hẹp về thị trường - điều rất dễ xảy ra nếu chỉ chú trọng vào một hay một nhóm nhỏ thị trường nhất định. Đồng thời bởi vì mỗi thị trường đều xây dựng trên cơ sở những mối quan hệ kinh tế và cùng phản ứng lại những nhân tố kinh tế theo cách tương tự nhau cho nên biến động giá ở một hay một nhóm thị trường này có thể là những gợi ý cho việc dự đoán giá ở một hay một số thị trường khác.

Ứng dụng Phân tích kỹ thuật vào các hình thức giao dịch khác nhau.

Các nguyên lý của phân tích kỹ thuật có thể áp dụng trên thị trường chứng khoán cũng như trên thị trường tương lai. Các hợp đồng tài chính, bao gồm cả các hợp đồng về lãi suất và ngoại tệ trở nên vô cùng phổ biến trong những thập kỉ gần đây và đã chứng minh chúng là những đối tượng cần quan tâm mới cho phân tích biểu đồ. Trong giao dịch Options các nguyên lý của Phân

tích kỹ thuật đóng vai trò rất lớn, rồi trong các giao dịch mang tính phòng vệ đầu tư (hedging) việc áp dụng Phân tích kỹ thuật cũng mang lại những lợi thế rất lớn.

Phân tích kỹ thuật áp dụng vào những khoảng thời gian có độ dài khác nhau.

Đây là một trong những sức mạnh của Phân tích kỹ thuật. Cho dù nhà đầu tư tham gia vào những giao dịch ngắn chỉ trong một ngày trong đó quan tâm đến từng biến động nhỏ hay đầu tư theo phân tích xu thế giá thì những nguyên lý chung chưa bao giờ tỏ ra vô giá trị. Ý tưởng cho rằng biểu đồ chỉ hữu ích cho phân tích trong ngắn hạn là sai bởi người ta luôn nói đến những khoảng thời gian dài trong dự báo của Phân tích kỹ thuật. Cho dù người ta luôn nói rằng để phân tích trong dài hạn thì nên áp dụng phân tích cơ bản nhưng thực tế cho thấy những dự báo sử dụng Phân tích kỹ thuật trong các biểu đồ tuần, tháng, năm có giá trị không kém chút nào. Một người khi đã nắm vững Phân tích kỹ thuật thì hoàn toàn có thể áp dụng rất đa dạng và linh hoạt trên bất cứ thị trường hay lĩnh vực đầu tư nào. Phân tích kỹ thuật có thể dùng không chỉ để dự báo giá chứng khoán mà có thể áp dụng dự đoán biến động của các loại hàng hóa, các biến động của nền kinh tế, của lạm phát, lãi suất....

Quá khứ có thể được dùng để dự đoán tương lai hay không?

Hầu hết những người phản đối Phân tích kỹ thuật đều đưa ra câu hỏi về vấn đề này. Nhưng hãy thử nhìn lại hầu hết những hình thức dự báo mà chúng ta đã biết đều hoàn toàn dựa trên những nghiên cứu đối với những dữ liệu trong quá khứ chẳng hạn như dự báo thời tiết hay kể cả Phân tích cơ bản. Liệu còn loại dữ liệu nào khác để sử dụng trong phân tích?

Trong thống kê có hai loại là thống kê mô tả và thống kê quy nạp. Thống kê mô tả nhằm đưa ra dữ liệu dưới các dạng biểu đồ khác nhau. Còn thống kê quy nạp lại mang tính tổng quát hoá, dự đoán, ngoại suy, ước lượng tức là những thông tin được suy ra từ việc phân tích dữ liệu. Như vậy các biểu đồ giá mang tính chất và dáng dấp của phân tích mô tả, còn những nhà Phân tích kỹ thuật lại thực hiện công việc xử lý những dữ liệu về giá cần đến thống kê quy nạp.

Trong một cuốn sách về thống kê có viết “ bước đầu tiên của dự đoán hoạt động kinh doanh hay dự đoán một hiện tượng kinh tế trong tương lai là tập hợp các quan sát ghi nhận được trong quá khứ”. *Phân tích đồ thị cũng chỉ là cũng chỉ là một dạng của phân tích chuỗi thời gian, đều dựa trên cơ sở phân tích quá khứ - đó là tất cả những gì ta cần khi phân tích một chuỗi thời gian.* Dạng thông tin duy nhất mà chúng ta có thể sử dụng là những thông tin trong quá khứ. Chúng ta chỉ có thể dự tính tương lai bằng cách áp dụng vào tương lai đó những kinh nghiệm có được trong quá khứ. Bất kì một ai nếu cứ dựa vào đây để phản đối lại Phân tích kỹ thuật thì người đó cũng nên đặt câu hỏi với tính chính xác của mọi dự báo trong phân tích cơ bản bởi chúng cũng đều dựa trên dữ liệu trong quá khứ.

Lý thuyết “Bước đi ngẫu nhiên” - random walk

Lý thuyết “bước đi ngẫu nhiên” cho rằng những biến động của giá là một chuỗi hoàn toàn độc lập và những biến động trong quá khứ của giá hoàn toàn không phải là một chỉ số đáng tin cậy cho việc dự đoán xu thế tương lai. Tóm lại biến động của giá là ngẫu nhiên và hoàn toàn không thể dự đoán được. Lý thuyết này dựa trên cơ sở lý thuyết “Thị trường hiệu quả”, trong đó cho rằng giá thị trường sẽ dao động xung quanh giá trị thực của nó. Thuyết này cũng cho rằng chiến lược đầu tư tốt nhất vào thị trường chỉ đơn giản là mua và nắm giữ, cũng có nghĩa là nó chống lại tất cả những cố gắng muốn “chiến thắng” thị trường. Lẽ dĩ nhiên trong bất kì thị trường nào cũng có những yếu tố ngẫu nhiên hay còn gọi là độ nhiễu, những rõ ràng nếu nói tất cả các biến động của giá đều là ngẫu nhiên thì khó có thể đồng tình. Đây có lẽ là một trong những phần mà những quan sát thực nghiệm, những kinh nghiệm thực hành có giá trị hơn những kĩ thuật thống kê công phu, kinh nghiệm là cái giúp cho mỗi người tự chứng minh cho suy nghĩ của riêng mình. Ở đây khái niệm ngẫu nhiên cần được hiểu đơn giản là việc không thể xác định được các hình mẫu kĩ thuật đã có trong hệ thống, tức là những hình mẫu đồ thị giá mà người ta dùng để dự đoán xu

thế tương lai của giá là hoàn toàn không thể nhận ra được. Tuy nhiên cho dù kể cả những chuyên gia giảng dạy trong lĩnh vực trong lĩnh vực này cũng đôi khi không thể xác định được sự xuất hiện của các hình mẫu kĩ thuật thì điều này cũng không có nghĩa là những hình mẫu giá đó không tồn tại.

Điều này dẫn ra một câu hỏi là liệu xu thế thị trường có thực sự có ích lợi với những người đang hàng ngày phân tích hay tham gia vào thị trường nơi những xu thế (nếu có) đang hiện diện thực tế. Nhưng nếu nhìn bất cứ một đồ thị nào ta đều có thể thấy một xu thế của giá. Làm sao những người ủng hộ cho thuyết “bước ngẫu nhiên” giải thích cho những xu thế giá này nếu giá là ngẫu nhiên liên tục - nghĩa là những gì xảy ra vào ngày hôm qua, vào tuần trước, ... đều không có ảnh hưởng vào những gì có thể xảy hôm nay và ngày mai? Làm sao họ giải thích được khả năng sinh lời thực tế của rất nhiều những chiến lược kinh doanh theo xu thế thị trường?

Và nhiều câu hỏi khác:

- Làm sao chiến lược mua và nắm giữ cổ phiếu có thể sử dụng trong thị trường giao dịch các hợp đồng tương lai, nơi mà việc xác định thời điểm tham gia và rút lui khỏi thị trường là yếu tố sống còn?
- Liệu những hợp đồng dài hạn có thể được nắm giữ suốt thời kì thị trường đi xuống?
- Làm sao nhà đầu tư có thể biết được sự khác biệt giữa một Bull Market và một Bear Market nếu như giá biến động hoàn toàn không theo qui luật và không theo xu thế nào?
- Thậm chí là có tồn tại Bull Market hay Bear Market hay không nếu không tồn tại các xu thế giá trên thị trường?

Khó có thể xác định liệu mọi kết quả thống kê có thể hoàn toàn chứng minh hay bác bỏ lý thuyết “bước ngẫu nhiên”. Dẫu sao thì ý tưởng thị trường mang tính ngẫu nhiên là hoàn toàn bị bác bỏ trong “cộng đồng Phân tích kỹ thuật”. Trong khi không thể bác bỏ tính hợp lý của việc tiếp cận thị trường theo khuynh hướng kĩ thuật thì bản thân thuyết “Thị trường hiệu quả” lại có nội dung rất gần với giả thuyết cơ bản của Phân tích kỹ thuật là “thị trường phản ánh tất cả”. Những nhà nghiên cứu cho rằng bởi vì thị trường phản ánh quá nhanh (gần như ngay lập tức) tất cả các thông tin nên không có cách nào để tận dụng ưu thế của thông tin trên thị trường. Cơ sở của Phân tích kỹ thuật như đã nói ở trên cho rằng những thông tin quan trọng về thị trường đều đã được phản ánh từ lâu trong các biến động giá trước khi nó được mọi người biết đến. Mọi chuyên gia đều cho rằng cần phải nghiên cứu và theo dõi kĩ biến động của giá chứ không thể dựa vào những thông tin tài chính căn bản để hi vọng kiếm lời.

Nhìn chung việc quan sát đồ thị và nhận thấy sự ngẫu nhiên hay tính nhiễu của thị trường chỉ xảy ra với những người không hiểu sâu sắc qui trình hoạt động của thị trường. *Nó cũng giống như một điện tâm đồ, với một người không được đào tạo thì anh ta sẽ hoàn toàn không biết ý nghĩa của nó là gì, nhưng với một bác sĩ thì lại khác, những đốm sáng tối trên đó chắc chắn sẽ cung cấp được rất nhiều thông tin.* Như thế sự cảm nhận về tính ngẫu nhiên hay tính nhiễu của thị trường sẽ dần mất đi khi trình độ phân tích biểu đồ của một người ngày càng tăng.

Các khái niệm và công cụ cơ bản sử dụng trong quá trình Phân tích kỹ thuật.

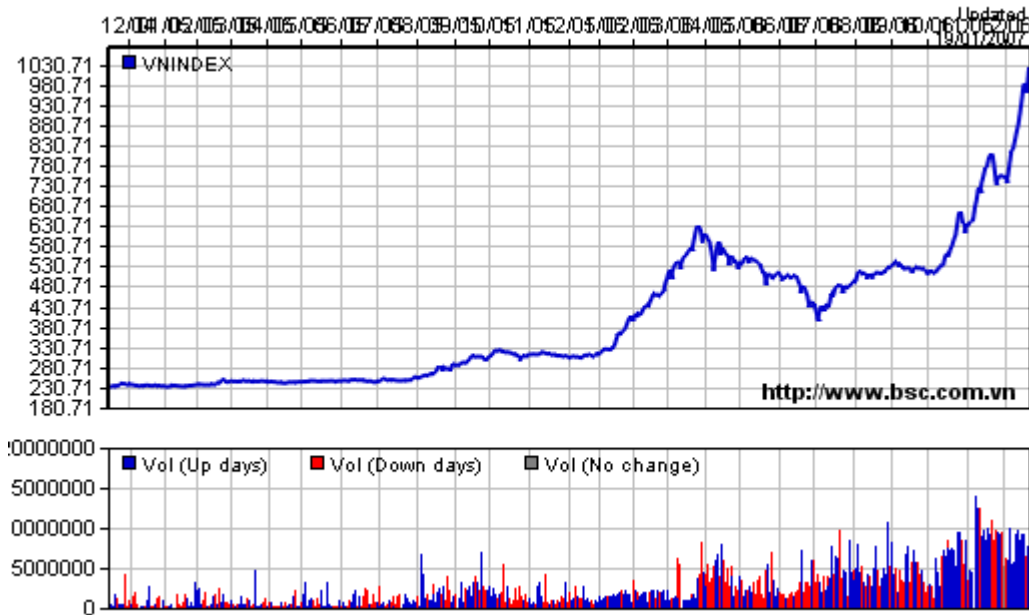
Các loại biểu đồ.

Hiện nay trên Thị trường chứng khoán các chuyên viên phân tích dùng rất nhiều các loại biểu đồ khác nhau để phân tích, trong đó có 3 loại biểu đồ được dùng một cách phổ biến nhất đó là: biểu đồ dạng đường (Line chart), biểu đồ dạng then chắn (Bar chart), biểu đồ dạng ống (Candlestick chart).

Biểu đồ dạng đường (Line chart).

Dạng biểu đồ này từ trước tới nay thường được sử dụng trên Thị trường chứng khoán, và cũng là loại biểu đồ được dùng một cách phổ biến nhất trong các ngành khoa học khác dùng để mô phỏng các hiện tượng kinh tế và xã hội...và nó cũng là loại biểu đồ được con người dùng trong thời gian lâu dài nhất. Nhưng hiện nay trên Thị trường chứng khoán do khoa học kỹ thuật phát triển, diễn biến của Thị trường chứng khoán ngày càng phức tạp cho nên loại biểu đồ này ngày càng ít được sử dụng nhất là trên các Thị trường chứng khoán hiện đại. Hiện nay nó chủ yếu được sử dụng trên các Thị trường chứng khoán mới đi vào hoạt động trong thời gian ngắn, khớp lệnh theo phương pháp khớp lệnh định kỳ theo từng phiên hoặc nhiều lần trong một phiên nhưng mức độ giao dịch chưa thể đạt được như Thị trường chứng khoán dùng phương pháp khớp lệnh liên tục. Ưu điểm của loại biểu đồ này là dễ sử dụng, lý do chính là vì nó được sử dụng trên tất cả các Thị trường chứng khoán trên khắp thế giới từ trước tới nay. Hiện nay loại biểu đồ này ít được sử dụng để phân tích trên các Thị trường chứng khoán hiện đại vì các Thị trường chứng khoán hiện đại ngày nay thường diễn biến khá phức tạp, mức độ dao động trong thời gian ngắn với độ lệch khá cao, nếu dùng loại biểu đồ này để phân tích thì thường mang lại hiệu quả thấp trong phân tích.

Ví dụ về dạng biểu đồ dạng đường (line chart):

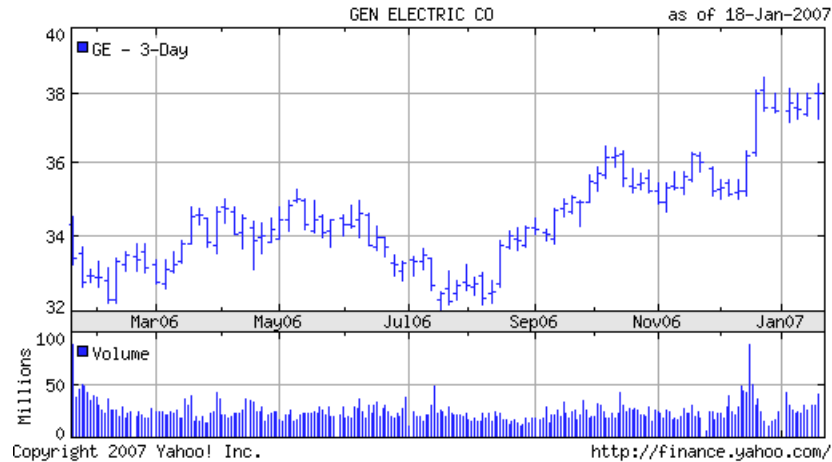


Đồ thị biến động VNIndex
(tính đến ngày 18/01/2007 - bsc.com.vn)

Hiện nay trên các Thị trường chứng khoán hiện đại đang dùng một số loại biểu đồ trong Phân tích kỹ thuật mang lại hiệu quả cao đó là Bar chart và Candlestick chart.

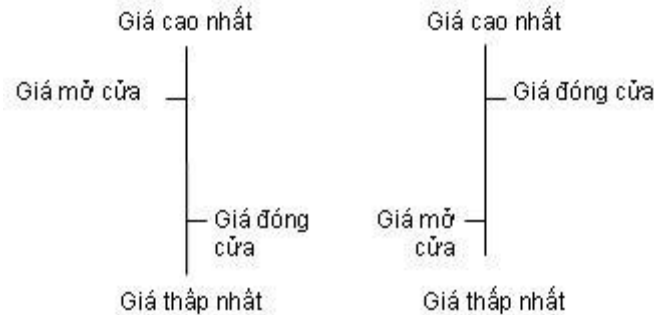
Biểu đồ dạng then chắn (Bar chart)

Ví dụ về dạng biểu đồ dạng then chắn (Bar chart):



Cổ phiếu General Electric

Trên các Thị trường chứng khoán hiện đại trên thế giới hiện nay các chuyên viên phân tích thường dùng loại biểu đồ này trong phân tích là chủ yếu lý do chính vì tính ưu việt của nó đó là sự phản ánh rõ nét sự biến động của giá chứng khoán.
Hai ký tự mà dạng biểu đồ này sử dụng đó là:



Loại biểu đồ này thường được áp dụng để phân tích trên các Thị trường chứng khoán hiện đại khớp lệnh theo hình thức khớp lệnh liên tục, độ dao động của giá chứng khoán trong một phiên giao dịch là tương đối lớn.

Biểu đồ dạng ống (Candlestick chart)

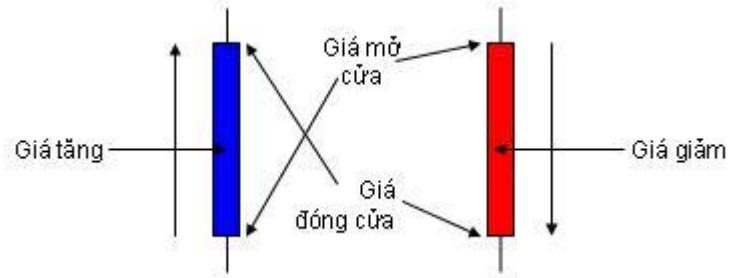
Ví dụ về dạng biểu đồ dạng ống (Candlestick chart):



Đồ thị biến động giá của YAHOO, 18/1/2007
 (nguồn: <http://www.stockcharts.com>)

Đây là dạng biểu đồ cải tiến của biểu đồ dạng then chốt (Bar chart), nó được người Nhật Bản khám phá và áp dụng trên Thị trường chứng khoán của họ đầu tiên. Giờ đây nó đang dần được phổ biến hầu hết trên các Thị trường chứng khoán hiện đại trên toàn thế giới. Dạng biểu đồ này phản ánh rõ nét nhất về sự biến động của giá chứng khoán trên thị trường chứng khoán khớp lệnh theo hình thức khớp lệnh định kỳ.

Hai kí tự mà loại biểu đồ này sử dụng là:



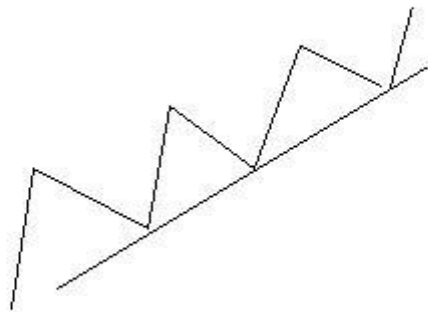
Xu thế, Đường xu thế, Kênh

Xu thế

Khái niệm xu thế sẽ được giới thiệu kĩ hơn trong phần Lý thuyết Dow. Xu thế gồm có cả xu thế giá tăng và xu thế giá giảm. Xu thế giá tăng gồm liên tiếp những đỉnh giá cao dần và đáy giá cao dần (đỉnh trước cao hơn đỉnh sau và đáy trước cao hơn đáy sau). Một xu thế giá tăng sẽ được coi là vẫn duy trì cho đến khi xuất hiện một đáy mới thấp hơn đáy trước nó. Ngược lại xu thế giá giảm cũng sẽ được coi là vẫn đang tiếp diễn cho đến khi xuất hiện một đỉnh mới cao hơn đỉnh trước nó.

Đường xu thế

Xu thế giá tăng và xu thế giá giảm cũng được nghiên cứu dưới dạng các đường xu thế. Với xu thế giá tăng ta có đường xu thế giá tăng, đây là đường nối các điểm đáy cao dần lên và đường xu thế giảm là đường nối các đỉnh thấp dần. Đường xu thế có thể kéo dài thậm chí nhiều năm. Qui trình vẽ một đường xu thế khá đơn giản nhưng cũng rất dễ nhầm. Điều căn bản là phải có những dấu hiệu chắc chắn về sự xuất hiện một xu thế giá. Khi muốn vẽ một xu thế giá tăng ta phải có ít nhất hai điểm đáy mà đáy sau cao hơn đáy trước. Tất nhiên điều kiện cần và đủ để có thể vẽ được một đường thẳng là phải có hai điểm, tuy nhiên người ta thường đợi cho đến khi xuất hiện một đáy thứ ba cao hơn hai đáy trước và đường xu thế đi qua cả 3 đáy (một cách tương đối). Điều này có nghĩa là đường xu thế có thể không đi qua đáy thứ ba mà chỉ đi sát, nhìn chung như thế là đạt yêu cầu. Nhưng một đường xu thế đi qua cả đáy bao giờ cũng được coi là một đường xu thế chính xác và có độ tin cậy cao.

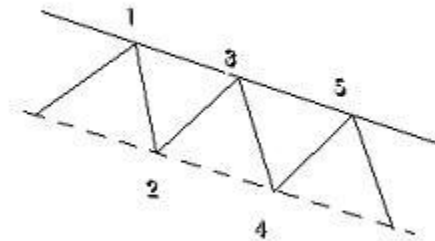


Khi một đường xu thế đã được xác nhận về độ chính xác thì nó sẽ trở nên rất hữu ích bởi tính chính xác ấy đảm bảo chắc chắn hướng chuyển động ổn định của giá. Với xu thế giá tăng, sau mỗi đợt tăng biến động điều chỉnh xuất hiện sẽ kéo giá xuống sát hoặc đến đúng đường xu thế những sẽ không xuống thấp hơn nếu xu thế thị trường vẫn đang ổn định. Đường xu thế lúc này là biên thấp nhất của dao động giá. Tương tự, với thị trường đang có xu thế giá giảm thì đường xu thế sẽ là biên cao nhất cho mọi dao động giá. Như thế, các đường xu thế chính xác của thị trường sẽ là các biên dao động cơ sở để xác định mức giá mua và bán tối đa và tối thiểu hợp lý.

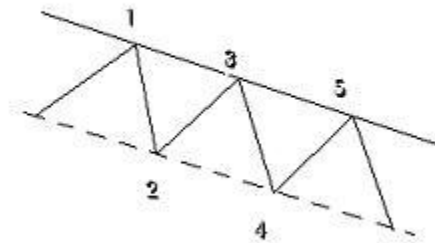
Nếu chuyển động của đồ thị vượt lên đường xu thế giảm hoặc xuống dưới đường xu thế giá tăng thì đây là dấu hiệu, có thể nói là sớm nhất, cho sự thay đổi trong xu thế thị trường.

Kênh

Kênh là khoảng giao động của giá, nếu giá sẽ dao động trong một dải thì dải đó gọi là kênh. Dải dao động đó được xác định bởi hai đường biên là đường xu thế và đường kênh (channel line), hai đường này song song với nhau. Vấn đề là làm sao có thể xác định được hai đường này.



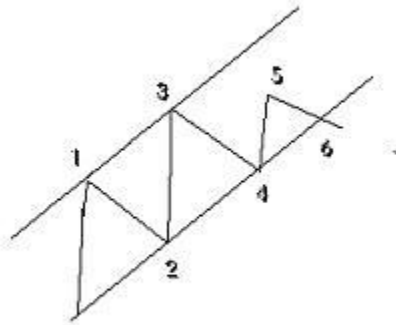
Sau khi đã xác định được đường xu thế như trên, giả sử với xu thế giá tăng, ta vẽ đường kênh là một đường song song với đường xu thế và đi qua đỉnh giá rõ nhất đầu tiên. Nếu ở lần tăng giá tiếp theo giá tăng đến gần hoặc chạm vào đường kênh rồi lại giảm xuống đến gần đường xu thế thì khả năng có thể tồn tại một kênh dao động của giá. Với xu thế giá giảm việc vẽ và xác định kênh là hoàn toàn tương tự, tất nhiên là theo hướng ngược lại.



Mỗi lần giá chạm vào hoặc đến gần đường kênh rồi quay trở lại xuống đến đường xu thế là một lần kênh được kiểm tra thành công. Kênh tồn tại càng lâu với càng nhiều lần thử thành công thì vai trò cũng như độ tin cậy của nó càng lớn. Kênh có thể sử dụng cho kiếm lời trong ngắn hạn và thậm chí một số nhà đầu tư táo bạo còn sử dụng đường kênh để tiến hành những giao dịch ngược hướng với xu thế thị trường nhằm tìm kiếm những khoản lợi lớn hơn cho dù giao dịch ngược hướng thị trường có thể là một chiến thuật nguy hiểm và phải trả giá đắt.

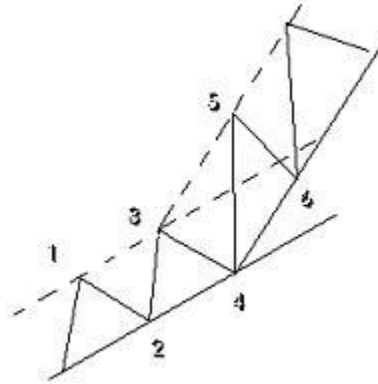
Khi chuyển động của giá trên thị trường phá vỡ đường xu thế thì có thể gây ra sự đảo chiều của xu thế thị trường, nhưng nếu đường kênh bị chuyển động của giá phá vỡ (khi giá vượt ra ngoài đường kênh) thì tác động lại hoàn toàn ngược lại: đây là dấu hiệu cho sự gia tăng sức mạnh của xu thế hiện tại, thậm chí một số nhà đầu tư tin tưởng rằng việc giá chuyển động làm mất đi đường kênh sẽ xác nhận cho một xu thế ổn định trong thời gian dài và là cơ hội cho những nhà đầu tư thực hiện những hợp đồng dài hạn.

Ngược lại, khi giá không lên được đến đường kênh mà quay ngược trở lại quá sớm thì đây lại là dấu hiệu dự báo sớm sự suy giảm của xu thế hiện tại và là dấu hiệu cho thấy có thể chuyển động của giá sẽ phá vỡ đường xu thế.

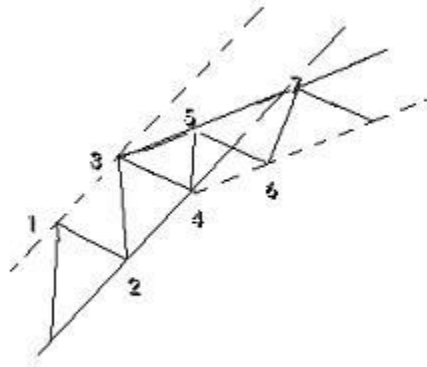


Nói chung việc chuyển động của giá không thể đạt đến sát một trong hai đường biên của kênh có thể là một dấu hiệu sớm cho thấy xu thế giá có thể thay đổi và khả năng chuyển động của giá có khả năng sẽ phá vỡ đường biên còn lại của kênh. Với xu thế giá tăng, có thể có hai trường hợp (trong các hình vẽ ở hai trường hợp này ta giả định ban đầu kênh đang có xu thế hướng lên- xu thế tăng giá, hoàn toàn tương tự nếu muốn xem xét đối với xu thế giá giảm).

Nếu chuyển động của giá vượt qua đường kênh một khoảng lớn thì đây là dấu hiệu cho thấy xu thế lên giá đang mạnh lên, thường ta sẽ phải vẽ một đường xu thế mới dốc hơn từ điểm đáy cuối cùng song song với đường kênh mới. Thực tế cho thấy đường xu thế mới này hoạt động tốt hơn đường cũ.



Nếu giá không đạt được đến đường kênh và chuyển động phá vỡ đường xu thế thì điều này chỉ ra rằng xu thế thị trường đổi chiều thành xu thế giá giảm. Hai đỉnh mới xuất hiện (đỉnh 5 và 7) sẽ là cơ sở để vẽ đường xu thế giá giảm, tương tự ta sẽ vẽ đường kênh song song đường xu thế và đi qua đáy 4. Chú ý là ở đây có sự đổi vai trò đường xu thế ban đầu trở thành đường kênh và ngược lại.



Ngoài ra kênh và các đường kênh còn mang một ý nghĩa khác: Khi giá chuyển động phá vỡ xu thế hiện tại - xuất hiện 'breakout' từ kênh hiện tại, giá thường sẽ chuyển động một khoảng bằng với độ rộng của kênh đó.

Như thế, để xác định điểm dừng của chuyển động này ta có thể tính tương đối chính xác bằng cách đo độ rộng của kênh vừa bị phá vỡ và dự kiến điểm dừng từ điểm giá vượt ra ngoài kênh (Tuy nhiên cần luôn luôn lưu ý rằng trong hai đường biên của kênh thì đường xu thế luôn có vai trò quan trọng và đáng tin cậy hơn, đường kênh chỉ là một công cụ kĩ thuật xuất phát từ đường xu thế).

Mức hoàn lại - Khung giao dịch - Hỗ trợ và Kháng cự

Mức hoàn lại.

Trong bất kỳ một đồ thị nào ta đều thấy sau một giai đoạn giá chuyển động theo xu thế của thị trường thì giá sẽ hoàn lại một chút trước khi quay trở lại chuyển động theo xu thế cũ. Những chuyển động ngược xu thế này thường có độ lớn ở vào những khoản có thể dự đoán được và được gọi là mức hoàn lại. Mức hoàn lại trung bình thường gặp nhất là 50%. Bên cạnh đó còn có các mức hoàn lại thường thấy khác đó là các mức 1/3 và 2/3. Nói cách khác, nếu chia một xu thế giá thành ba phần thì nói mức hoàn lại thấp nhất là 33% và cao nhất là 66% có nghĩa là ở giai đoạn điều chỉnh của xu thế đó giá sẽ hoàn lại ít nhất 1/3 mức tăng (hay giảm) mà nó đạt được trong xu thế trước đó và mức hoàn lại đó không vượt quá 2/3 mức tăng (hay giảm) trước đó đạt được. Nếu mức hoàn lại cao hơn thì khả năng sẽ xảy ra sự đảo chiều thị trường tức là giá sẽ chuyển động theo xu thế đảo ngược xu thế trước mà không quay lại chuyển động theo xu thế đó.

Khung Giao Dịch.

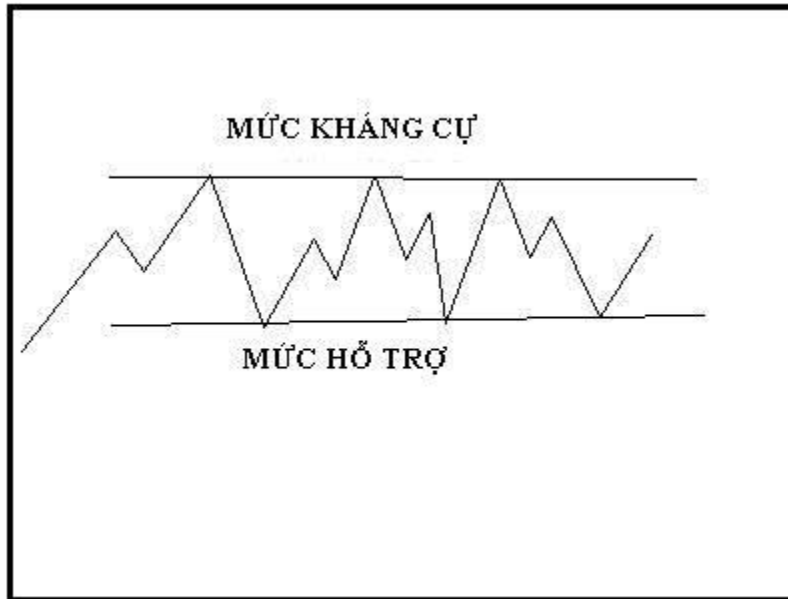
Thị trường có thể ở một trong 3 xu thế là xu thế tăng, xu thế giảm và xu thế dao động ngang. Nhiều người cho rằng thị trường chỉ có thể tăng hoặc giảm, nhưng thực tế có đến 1/3 thời gian giá chuyển động theo một hình mẫu dạng 'phẳng' nằm ngang gọi là khung giao dịch. Khung giao dịch là một dải nằm ngang trên đồ thị trong đó bao gồm các dao động của giá trong một giai đoạn dài. Nói chung hầu hết các biến động của thị trường sẽ diễn ra bên trong khung giao dịch. Tuy nhiên khi thị trường có biến động dạng khung giao dịch thì lại rất khó kiếm được lợi nhuận. Khung giao dịch phản ánh thời kỳ mà áp lực cung cầu là tương đối cân bằng và giá duy trì ở mức cân bằng thị trường. Đôi khi người ta còn gọi thời kỳ mà giá biến động theo khung giao dịch là thời kỳ không có xu thế thị trường. Hầu hết các công cụ kinh tế đều được tạo ra để có thể áp dụng vào các thị trường có xu thế tăng hoặc giảm rõ rệt còn khi thị trường ở dạng không có xu thế rõ rệt thì các công cụ này nhìn chung hoạt động kém hiệu quả, thậm chí là không thể áp dụng. Đây cũng chính là thời kỳ gây khó chịu nhất cho những người đi theo Phân tích kỹ thuật và gây ra nhiều lỗ nhất. Trong những tình huống ấy nhà đầu tư luôn phải đối mặt với một trong ba quyết định là mua, bán hay đứng ngoài không tham gia vào thị trường và thông thường thì quyết định không tham gia vào thị trường luôn là quyết định sáng suốt nhất.

Thực tế cũng có một số phương pháp có thể áp dụng để kiếm lời khi thị trường xuất hiện dạng khung giao dịch, chẳng hạn như sử dụng các chỉ số dao động thị trường (Oscillators) mà ta sẽ nghiên cứu ở phần sau. Nhìn chung rất khó có thể dự đoán sự xuất hiện trong tương lai của mô hình khung giao dịch. Mô hình này cũng có thể kéo dài trong nhiều tháng, một năm hay nhiều năm. Cũng giống như kênh, khung giao dịch cũng có các đường biên bên trên và bên dưới, đây chính là các đường kháng cự và hỗ trợ của khung (ta sẽ nghiên cứu về kháng cự và hỗ trợ ở phần sau). Những "sự phá vỡ" (break out) ra ngoài khung có thể là các dấu hiệu quan trọng để tiến hành các giao dịch. Tuy nhiên cũng cần lưu ý bởi giá cũng thường dao động vượt ra ngoài khung nhưng chỉ với một lượng nhỏ, sau đó quay trở lại bên trong khung. Đôi khi nguyên nhân của hiện tượng này là do những lệnh dừng mà nhà đầu tư đã đặt và những lệnh này tác động đến những vùng giá nằm ngoài khung. Khi những lệnh này kết thúc thì giá sẽ trở lại dao động bên trong khung giao dịch nếu không có những lý do liên quan đến những yếu tố tài chính cơ bản hay có sự xuất hiện khối lượng giao dịch lớn duy trì sự vượt ra ấy. Nhìn chung nhà đầu tư không nên đi theo ngay những "breakout" mới xuất hiện mà nên chờ thêm một dao động tiếp theo xác nhận "breakout" này cho dù điều này có thể làm chậm lại một chút nhưng sẽ tránh được rất nhiều dấu hiệu sai và tránh được những khoản lỗ.

Hỗ trợ và kháng cự

Việc nghiên cứu về mức hỗ trợ và kháng cự là một trong những vấn đề khá quan trọng đối với Phân tích kỹ thuật. Nó cho phép người nghiên cứu có thêm những cơ sở mới trong việc chọn các loại cổ phiếu để mua hay bán, trong dự đoán các biến động tiềm năng, trong việc chỉ ra những thời điểm mà thị trường có thể gây ra rắc rối cho nhà đầu tư. Trên thực tế, nhiều nhà đầu

tư có kinh nghiệm đã xây dựng cho họ một “hệ thống đầu tư” riêng dựa hầu hết vào những nguyên lý về mức kháng cự và hỗ trợ. Việc nghiên cứu về mức kháng cự và hỗ trợ một cách đầy đủ cần rất nhiều thời gian và cần thêm nhiều yếu tố khác, người viết chỉ xin đưa ra một số khía cạnh cơ bản nhất với mục đích đưa ra cơ sở lý thuyết cơ bản nhất về khái niệm quan trọng này của Phân tích kỹ thuật.



Mức kháng cự và hỗ trợ có ý nghĩa rất quan trọng trong việc nghiên cứu phân tích các hình mẫu kỹ thuật. Những kiến thức cơ bản về mức kháng cự và hỗ trợ sẽ giúp người nghiên cứu dễ dàng hiểu bản chất và các ứng dụng của các hình mẫu đó.

Mức hỗ trợ thường được dùng khá thông dụng. Trên thị trường phố Wall, bạn có thể nghe thấy việc một nhóm nhà đầu tư luôn sẵn sàng hỗ trợ thị trường bằng cách mua tất cả các chứng khoán chào bán nếu giá giảm 5 điểm. Vậy mức hỗ trợ là gì? Ta có thể định nghĩa mức hỗ trợ là việc mua thực tế hay khả năng mua với khối lượng đủ để làm ngưng lại xu thế giảm của giá trong một thời kỳ đáng kể (tương đối dài). Mức kháng cự lại ngược lại với mức hỗ trợ: đó là việc bán, trong thực tế hay tiềm năng, một khối lượng đủ để thỏa mãn tất cả các mức chào mua, do đó, làm giá ngừng không tăng nữa trong một khoảng thời gian nhất định. Như thế mức kháng cự và hỗ trợ là gần giống theo thứ tự với khối lượng cầu và khối lượng cung. Mức hỗ trợ là mức giá ở đó mức cầu cho một cổ phiếu là đủ để, ít nhất là, làm dừng xu thế giảm giá của thị trường và cũng có thể đổi chiều xu thế đó, tức là làm xu thế giá đi xuống quay ngược đi lên. Từ đó ta có định nghĩa về mức kháng cự, đó là mức giá mà ở đó lượng cung đủ để giá sẽ ngừng không tăng nữa và có thể chuyển động ngược lại đi xuống. Theo lý thuyết thì mỗi mức giá có một lượng cung và cầu nhất định. Nhưng khoản hỗ trợ thể hiện sự tập trung của cầu còn khoảng kháng cự thể hiện sự tập trung của cung. Như vậy với một hình mẫu giá nhất định, chẳng hạn ta xét với hình mẫu dạng hình chữ nhật (mô hình này phản ánh giai đoạn thị trường gồm rất nhiều những dao động nhỏ của giá theo hướng ngang đồ thị chứ không hướng lên hay hướng xuống rõ rệt, hai đường nối các đỉnh và các đáy của thị trường trong giai đoạn này gần như song song, không cần thiết phải song song 100% nhưng độ lệch phải rất nhỏ, hay có thể nói là một dạng của khung giao dịch), đường nối các đỉnh có thể coi là mức kháng cự, còn đường nối các đáy được coi là mức hỗ trợ.

Nhìn chung trong giai đoạn hai mức này còn phát huy hiệu lực thì giá sẽ không vượt quá mức kháng cự và không xuống dưới mức hỗ trợ. Nhưng với tư cách một nhà đầu tư ta sẽ quan tâm

hơn đến việc xác định tại sao và yếu tố nào làm xuất hiện các mức kháng cự và hỗ trợ ở một mức giá nhất định. Các chuyên gia còn tập trung nghiên cứu thời điểm giá lên đạt đến mức kháng cự và khi nào giá xuống đến mức hỗ trợ.

Cơ sở của những dự đoán này cũng là những dữ liệu cơ bản hình thành nên lý thuyết về hỗ trợ và kháng cự, đó là khi giá trị giao dịch có xu hướng bị tập trung tại một số mức giá có khối lượng các cổ phiếu được giao dịch lớn. Điều đáng chú ý là tại bất kỳ mức giá nào xuất hiện mức khối lượng giao dịch lớn thường đều trở thành điểm đảo chiều đối với xu thế hiện tại của thị trường và mọi điểm đảo chiều đều có xu hướng lặp đi lặp lại thường xuyên và hoàn toàn mang tính tự nhiên. Có một thực tế quan trọng mà nhiều khi một số người quan sát và phân tích biểu đồ một cách ngẫu nhiên không nhận ra đó là: những mức giá đó đang dần dần chuyển vai trò từ hỗ trợ thành kháng cự và ngược lại từ kháng cự thành hỗ trợ. Nếu như biến động của giá vượt qua một đỉnh giá đã được hình thành trước đó thì đỉnh này sẽ đóng vai trò là khoảng đáy của xu thế giảm giá (điều chỉnh) sẽ xuất hiện sau xu thế tăng hiện tại và một đáy sau khi đã bị giá vượt xuống dưới sẽ trở thành khoảng đỉnh của xu thế tăng sẽ xuất hiện ngay sau đó.

Quá trình hình thành một xu thế thông thường.

Ta sẽ xem xét các ví dụ:

Giả sử một cổ phiếu đang trong xu thế tăng mạnh và tăng từ mức giá 12 lên đến 24, đồng thời trên thị trường cũng đang có một khối lượng cổ phiếu lớn đang được chào bán. Kết quả của việc này là thị trường có thể phản ứng và hình thành một xu thế điều chỉnh trung gian (tạm thời), làm giá giảm xuống còn 18, hoặc cũng có thể phản ứng của thị trường làm xuất hiện hàng loạt những dao động nhỏ quanh mức, chẳng hạn, từ 24 xuống đến 21 tạo thành một dạng hình mẫu mang tính củng cố xu thế hiện tại. Sau thời gian điều chỉnh hoặc củng cố này sẽ xuất hiện một đợt tăng giá mới và đưa giá lên đến 30, tại đó cung lại đầy và dư, làm ngưng lại đợt tăng giá này. Lúc đó lại có thể xuất hiện một trong hai dạng mô hình điều chỉnh hay củng cố. Nếu xảy ra điều chỉnh, câu hỏi đặt ra là xu thế giảm tạm thời này sẽ xuất hiện ở mức nào? Câu trả lời là mức giá 24, đây là đỉnh đầu tiên của xu thế tăng giá chính (cấp 1) trên thị trường - mức giá này thấp hơn mức giá hiện tại và tại đó lại xuất hiện tổng giá trị giao dịch rất lớn. Khi đó nó đóng vai trò và hoạt động như một mức kháng cự, tạo ra sự ngưng tăng hay đảo chiều của đợt tăng giá đầu tiên. Sau khi bị vượt qua thì vai trò của nó lại là mức hỗ trợ, làm ngưng hay có thể đảo chiều, dù rất ít xu thế giảm giá đang diễn ra trên thị trường.

Một ví dụ tương tự đưa ra với một cổ phiếu đang trong xu thế giá giảm. Giả sử cổ phiếu đang ở một đỉnh lớn của toàn thị trường ở mức giá 70, giá giảm xuống còn 50. ở tại mức 50 xuất hiện một đỉnh điểm diễn ra các giao dịch nhưng chỉ mang tính tạm thời. Thị trường có tổng khối lượng giao dịch lớn, giá tăng lên, có thể lại trượt xuống một chút như một dạng kiểm tra mức giá 50 có thực sự là một điểm dừng quan trọng của thị trường hay không. Sau đó xuất hiện giai đoạn hồi phục đưa giá lên 60. Tại mức 60 sức mua yếu dần, xu thế giá đảo lại và đi xuống, giá sẽ giảm mạnh hơn ở đợt giảm mới này và làm xuất hiện một mức đáy thấp hơn là 42. Đến đây, lặp lại thời kỳ trước, nhu cầu mua lại tăng lên và lại xuất hiện quá trình hồi phục lần hai. Chúng ta có thể tự tin chờ đợt hồi phục từ mức giá 42 này lên sẽ tăng lên đến mức kháng cự (đã được kiểm tra là "mạnh") đó là mức giá 50. ở đợt giảm lần đầu mức giá này đóng vai trò mức hỗ trợ, bây giờ nó đóng vai trò mức kháng cự, mức đáy lúc trước trở thành mức đỉnh của thị trường.

Vậy ta đặt ra câu hỏi tại sao có sự chuyển vai trò ở hai ví dụ trên? Ta bắt với ví dụ thứ 2 trước. Giá đầu tiên giảm xuống đến 50 và xuất hiện khối lượng giao dịch tương đối lớn, rồi lại đảo chiều tăng lên 60 nhưng lực tăng yếu dần. Ở mức giá 50, rất nhiều cổ phiếu đã được giao dịch, với mỗi người bán đều có ít nhất một người mua tương ứng. Một số người đã mua nhưng với chủ định nắm giữ trong ngắn hạn và đã bán đi, bây giờ họ không còn quan tâm đến loại cổ phiếu này. Một số khác là những nhà đầu tư ngắn hạn và thậm chí cả một số chuyên gia có thể đã mua ở mức giá 50 bởi đơn giản là họ thấy thị trường đang ở một mức đáy tạm thời và mua với mong muốn kiếm lãi khi giá tăng lên theo dự kiến của họ, hoàn toàn có thể giá sử họ đã thực hiện

được mục đích của mình và đã thoát ra khỏi thị trường trước khi giá tụt xuống dưới mức 50. Với đa số những nhà đầu tư còn lại, quyết định mua của họ là do họ thấy mức giá 50 là mức giá thấp đủ thảo mãn họ bởi chỉ vài tháng trước giá cổ phiếu được bán trên mức 70, rõ ràng 50 là một mức giá hời, đồng thời họ cũng cho rằng giá sẽ lại lên và lên nữa trong thời gian dài.

Nhưng hãy đặt mình vào vị trí của những người vừa mua cổ phiếu đó. Họ nhìn thấy giá tăng hàng ngày, lên 55 rồi lên 58 rồi đến 60, những nhận định của họ lúc trước có vẻ đúng và họ vẫn tiếp tục nắm giữ cổ phiếu. Rồi xu thế tăng này yếu đi, giá lại giảm xuống còn 57, 55 rồi 52 rồi lại về 50. Họ có lo lắng một chút nhưng rồi lại vẫn cho rằng 50 là mức rất rẻ, vẫn hời, đặc biệt khi thị trường dừng lại ở mức giá 50 trong một thời gian ngắn.

Rồi giá lại giảm tiếp phá vỡ mức giá 50. Lúc đầu có thể họ vẫn hi vọng đây chỉ là mức giảm tạm thời, là một chút biến động của giá và thị trường sẽ hồi phục nhanh chóng. Thế nhưng hi vọng ấy mất đi khi xu thế giảm giá vẫn tiếp tục và không hề tỏ ra là sẽ có điều chỉnh. Những nhà đầu tư bắt đầu tỏ ra lo lắng, có điều gì đó không ổn đã xảy ra. Cho đến khi giá giảm còn 45, mức giá hời lúc trước không còn là một quả cam ngọt nữa mà là một quả chanh.

Với ví dụ thứ nhất về xu thế tăng giá của thị trường. Khi giá tăng từ 12 đến 24 các nhà đầu tư đều cho rằng 24 là mức giá tương đối cao so với 12 (mức giá mà họ đã mua vào) do đó họ bán, khi mà sau đó giá giảm xuống một chút đến 20, họ đều tự chúc mừng cho sự sáng suốt của mình. Nhưng rồi xu thế giá lại đảo chiều, giá tăng vọt lên 30, họ sẽ không còn cảm thấy như vậy nữa. Họ ước gì mình vẫn nắm giữ cổ phiếu đó và có thể muốn mua lại cổ phiếu này, tất nhiên là không mua cao hơn 24, rõ ràng nếu giá giảm xuống còn 24 sẽ có rất nhiều nhà đầu tư lại mua vào với hi vọng kiếm lời nhiều hơn.

Những ví dụ trên đây phản ánh một cách chung nhất tâm lý của những nhà đầu tư trên thị trường và tác động của họ tới việc hình thành cũng như sự chuyển vai trò của mức kháng cự và hỗ trợ. Qua đó ta cũng nhận thấy rằng tại một mức giá kháng cự hay hỗ trợ, nếu giá dao động quanh nó càng lâu thì vai trò và sức mạnh của nó càng lớn và một xu thế giá phải thực sự mạnh mới có thể phá vỡ hay vượt qua được nó. Một mức kháng cự hay hỗ trợ được duy trì càng lâu thì những biến động có khả năng vượt qua nó càng có ý nghĩa và có thể được coi là những dấu hiệu cho những biến động lớn của thị trường.

Thêm một nhận xét nữa là khối lượng giao dịch cũng có ý nghĩa rất quan trọng trong xác định các mức kháng cự và hỗ trợ. Nếu mức kháng cự hay hỗ trợ hình thành mà không có dấu hiệu gì về sự thay đổi trong khối lượng giao dịch thì mức độ tin cậy cũng như độ bền vững của chúng là không cao. Trái lại nếu một mức hỗ trợ chẳng hạn được hình thành với khối lượng giao dịch rất lớn, điều này có nghĩa là tại đó nhu cầu giao dịch là rất lớn, rõ ràng mức độ phản ánh cũng như ý nghĩa của nó là cao và quan trọng hơn nhiều.

Các hình mẫu kỹ thuật (Chart Patterns)

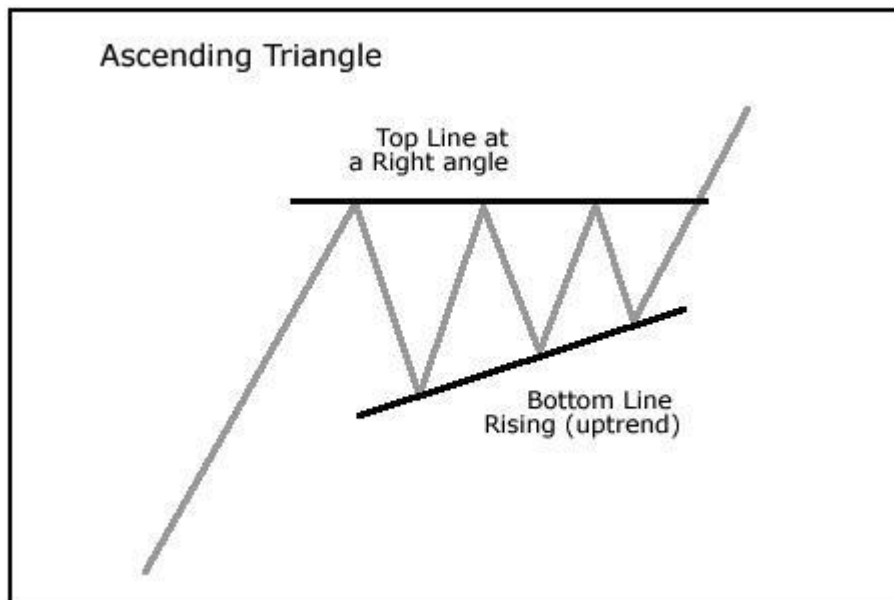
Hình mẫu kỹ thuật hay còn gọi là các mô hình giá hoặc hình mẫu giá là các “bức tranh” hay các mô hình biến động nhất định của giá xuất hiện trên biểu đồ giá thị trường. Trong Phân tích kỹ thuật, các hình mẫu kỹ thuật có vai trò vô cùng quan trọng bởi mục tiêu sau cùng của các nhà phân tích là tìm ra được sự lặp lại của một dạng biến động nhất định của giá đã xuất hiện trong quá khứ ở hiện tại và tận dụng những kinh nghiệm có được trong quá khứ về mô hình này cũng như những kết quả đã thống kê được để có một phương án tốt nhất cho quyết định đầu tư trong hiện tại.

Hình mẫu kỹ thuật dù được áp dụng khá rộng rãi với nhiều đối tượng chứ không chỉ riêng chứng khoán chẳng hạn như áp dụng trong các giao dịch ngoại hối, trong phân tích các thị trường Futures của các hàng hoá thông thường,... và còn áp dụng trong cả dài hạn lẫn ngắn hạn, tuy nhiên ta có thể phân chia một cách tổng thể nhất thành hai loại là mô hình mang tính củng cố hay duy trì xu thế hiện tại của thị trường và mô hình làm đảo chiều xu thế hiện tại.

Dưới đây ta cũng chỉ nghiên cứu được những mô hình chủ yếu và quan trọng nhất trong phân tích kỹ thuật còn rất nhiều dạng khác đều là biến thể của các dạng cơ bản này.

Ascending triangle - Tam giác hướng lên

Mô hình tam giác hướng lên nhìn chung được coi là một dạng mô hình trung gian mang tính củng cố hay báo hiệu sự tiếp tục xu thế hiện tại của thị trường. Tuy nhiên đôi khi nó cũng mang tính đảo ngược. Thường thì mô hình này cần ít hơn ba tháng để hoàn thiện và khi xuất hiện thường kèm theo sự gia tăng của khối lượng giao dịch. Với mô hình này ta có thể nhận thấy sự hội tụ của hai đường kháng cự và hỗ trợ thể hiện bằng sự thu hẹp khoảng cách giữa các đỉnh và các đáy của thị trường, kéo dài hai đường kháng cự và hỗ trợ chúng sẽ cắt nhau ở đỉnh tam giác ở phía phải đồ thị. Đường kháng cự nằm ngang và đường hỗ trợ hướng lên cho thấy các mức giá cao có xu thế giữ nguyên còn các mức giá thấp nhất lại có xu thế tăng dần lên, điều này cũng có nghĩa là người mua có động cơ mạnh hơn người bán.

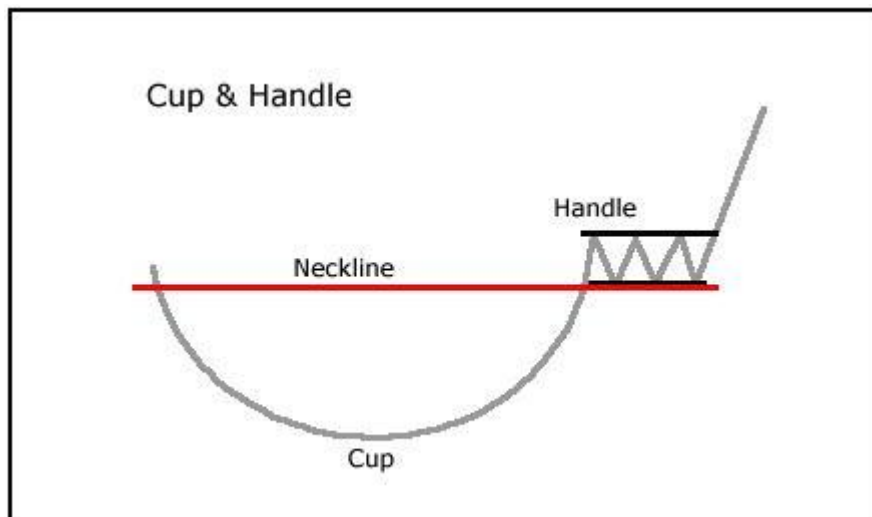


“Breakout” (break-out có nghĩa là điểm xuất hiện sự đảo chiều của xu thế thị trường, ở đây sẽ dùng nguyên văn tiếng Anh) sẽ xuất hiện ở khoảng giữa điểm 2/3 và 3/4 chiều ngang của mô hình (tính từ điểm bắt đầu mô hình đến điểm cắt nhau của hai đường kháng cự và hỗ

trợ). "Breakout" phá vỡ đường kháng cự sẽ chứng tỏ mô hình mang tính củng cố còn nếu phá vỡ đường hỗ trợ sẽ chỉ ra rằng mô hình mang tính đảo chiều. Có một cách để ước lượng mức giá mục tiêu thấp nhất mà sự đột phá ra ngoài mô hình này có thể đạt tới là xác định mức giá của điểm giao nhau dự kiến của hai đường kháng cự và hỗ trợ kéo dài. Tiếp đó ta đo chiều cao của mô hình tam giác tức là khoảng cách (đo theo chiều thẳng đứng) giữa điểm cao nhất của đường kháng cự và điểm thấp nhất của đường hỗ trợ, rồi cộng khoảng này vào mức giá của giao điểm vừa đo ở trên nếu là "breakout" hướng lên và sẽ lấy mức giá của giao điểm trừ đi khoảng này nếu là "breakout" hướng xuống.

Cup and Handle (mô hình cốc và chuỗi):

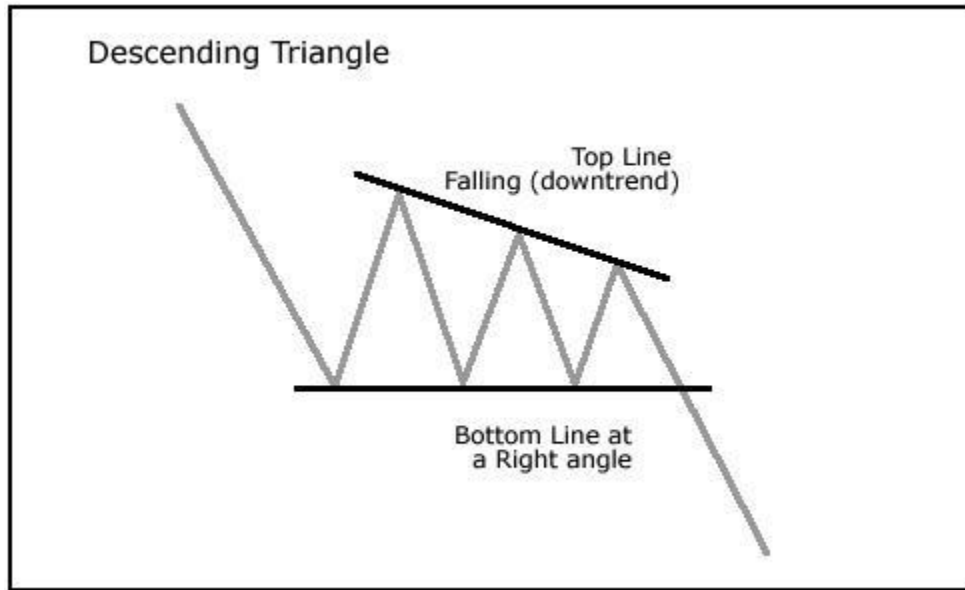
Mô hình cốc và chuỗi xuất hiện khi thị trường đang trong xu thế lên giá và nó củng cố xu thế đó của thị trường. Mô hình này gồm hai phần: phần "cốc" và phần cái "chuỗi", mô hình "cốc" kéo dài trong 1 đến 6 tháng còn mô hình chuỗi kéo dài trong 1 đến 4 tuần. Phần cốc hình thành sau một đợt tăng giá của thị trường và có dạng đáy vòng xuống. Khi mô hình "cốc" hoàn thành một mô hình khung giao dịch sẽ tiếp tục hình thành ở phía bên phải và tạo nên cái "chuỗi" (như hình vẽ).



Thường thì tính củng cố của mô hình sẽ được đảm bảo hơn nếu xu thế tăng giá ban đầu kéo dài trong vài tháng tức là đảm bảo nó không quá yếu. Cũng cần lưu ý với dạng của mô hình cốc: đáy của nó càng vòng càng tốt và nếu như nó quá nhọn và gần giống với chữ V thì rất dễ chuyển tính chất thành mô hình đảo chiều. Một mô hình cốc hoàn hảo sẽ có hai thành cốc cao ngang nhau, độ sâu của nó hoàn lại khoảng 1/3 hoặc ít hơn mức tăng giá trước đó, tất nhiên điều này ít khi xảy ra. Với thị trường có độ bất ổn lớn (volatile) thì mức hoàn lại có thể trong khoảng 1/3 đến 2/3, thậm chí có thể đạt đến 2/3.

Mô hình "chuỗi" làm cho đợt gia tăng giá ở bên phải "cốc" ngừng lại và biến động nhỏ trong một khung giao dịch và có thể kéo lùi giá lại một chút so với thành "cốc". Toàn bộ chiều cao của khung thường đạt mức 1/3 chiều cao "cốc". "Breakout" xuất hiện sẽ phá vỡ mức kháng cự và tiếp tục xu thế tăng giá của thị trường.

Descending Triangles - tam giác hướng xuống

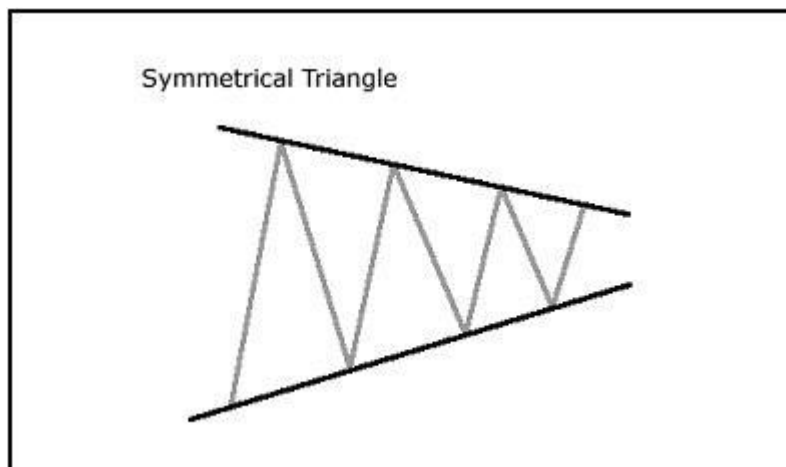


Mô hình tam giác thường xuất hiện trong thị trường xuống giá và cũng mang tính củng cố (hay duy trì) xu thế hiện tại. Thời gian tồn tại của mô hình này là khoảng 1 đến 3 tháng. Hai đường kháng cự và hỗ trợ có xu hướng hội tụ, đường kháng cự hướng xuống còn đường hỗ trợ nằm ngang.

Về điểm xuất hiện "breakout", điểm giá mục tiêu sau "breakout" cũng như mối quan hệ giữa điểm hội tụ hai đường kháng cự, hỗ trợ và độ dài của mô hình ta có thể xem ở phần mô hình tam giác hướng lên.

Mô hình này phản ánh tâm lý người mua cho rằng cổ phiếu đang vượt quá giá trị thực của nó và mức giá hợp lý phải thấp hơn do đó mà đường kháng cự đi xuống trong khi đường hỗ trợ nằm ngang. Rõ ràng nếu xuất hiện "breakout" thì giá sẽ tiếp tục giảm. Điểm khác biệt với mô hình tam giác hướng lên là ở chỗ khối lượng giao dịch sẽ ít dần đi và càng ít khi tiến gần đến điểm hội tụ.

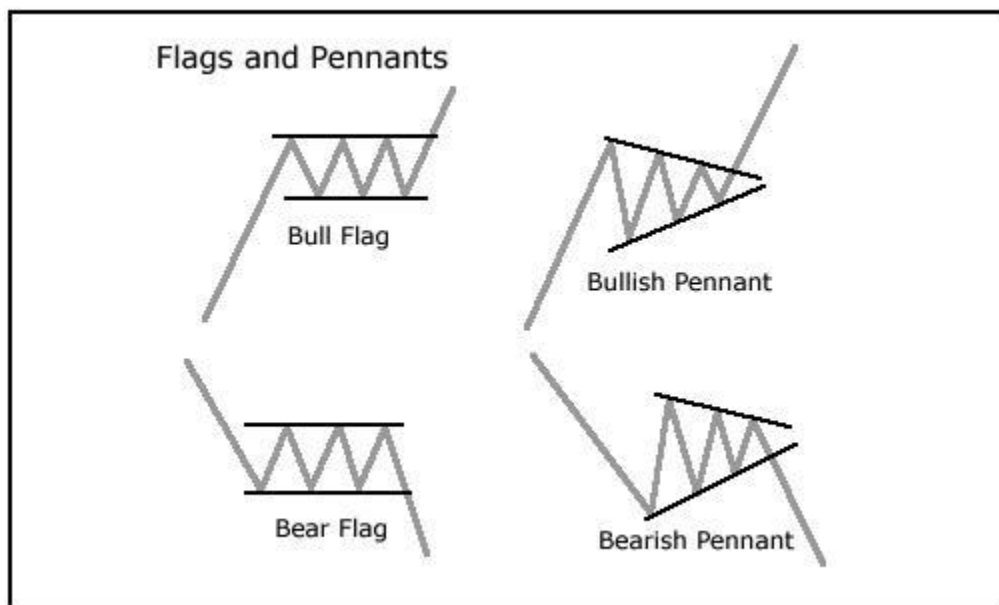
Symmetrical triangle - hình mẫu kỹ thuật tam giác cân



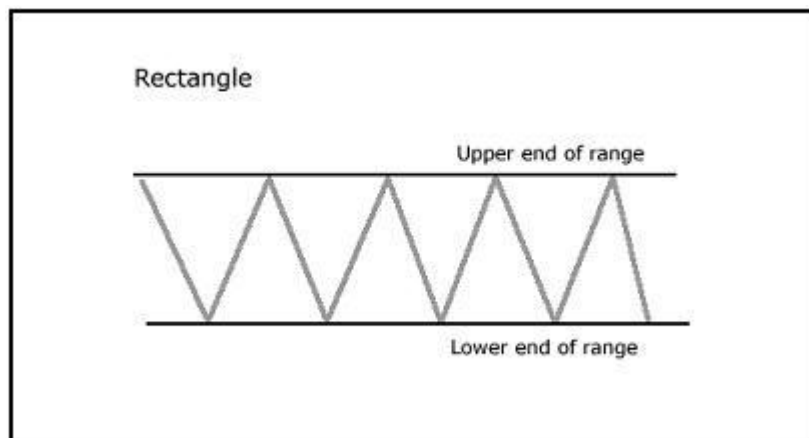
Nói chung một hình mẫu tam giác được xem xét như là một hình mẫu dạng tiếp tục xu thế của thị trường hoặc là một hình mẫu củng cố của xu thế. Tuy nhiên, đôi khi nó đánh dấu một sự đảo ngược của khuynh hướng. Nói chung hình mẫu kỹ thuật “tam giác cân” được xem xét như là những mẫu trung gian chuyển tiếp của xu thế biến động giá chứng khoán. Thông thường nó cần khoảng một tháng để hình thành, ít khi nó cần đến ba tháng để hình thành. Sự hội tụ của hai đường kháng cự và hỗ trợ đã mang lại cho chúng ta hình dáng của hình mẫu kỹ thuật “tam giác cân”. Trên thị trường chứng khoán dạng hình mẫu kỹ thuật này khá dễ dàng để nhận biết nó, ngoài ra hình mẫu kỹ thuật này cũng được các chuyên viên Phân tích dùng như một công cụ đáng tin cậy để giao dịch, nhưng các chuyên viên cũng cảnh báo rằng tín hiệu đáng tin cậy để giao dịch đó là sự xuyên chéo một trong hai đường trendline bởi đường biểu diễn sự biến động giá chứng khoán một cách rõ ràng.

Flags and Pennants - Mô hình cờ chữ nhật và cờ đuôi nheo

Hình mẫu kỹ thuật Flags & Pennants là những mô hình continuation - tiếp tục xu thế của thị trường trong ngắn hạn, nó đánh dấu một bước củng cố để tiếp tục lấy lại xu thế của thị trường. Thông thường trước khi xảy ra những hình mẫu kỹ thuật này thì được xác nhận bằng sự tăng hoặc giảm giá mạnh kết hợp với khối lượng giao dịch lớn, nó đánh dấu điểm chính giữa của xu thế biến động giá (thực chất nó là những hình mẫu kỹ thuật mang tính chất củng cố của xu hướng biến động giá chứng khoán). Để được xem xét là một hình mẫu kỹ thuật mang tính continuation - tiếp tục xu thế của thị trường - nó cần được xác nhận bằng một khuynh hướng diễn ra trước đó.



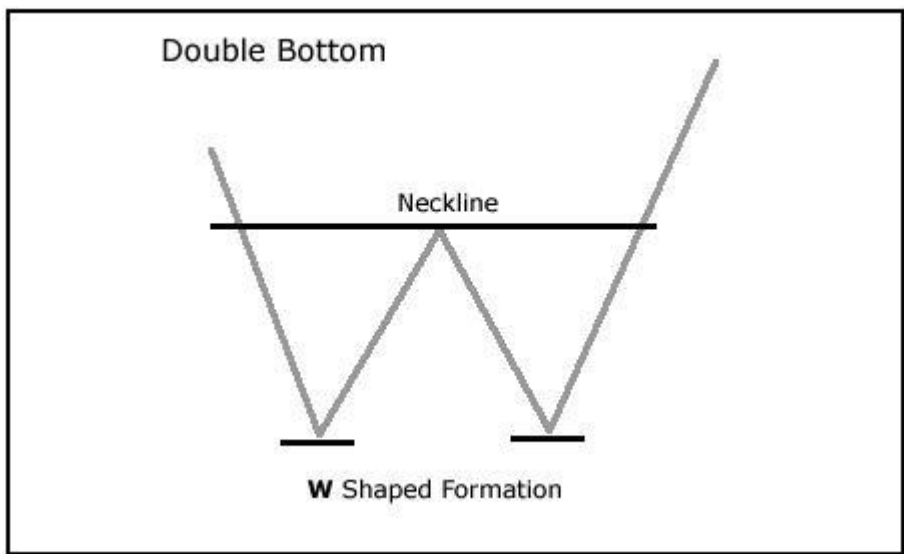
Rectangle - hình mẫu kỹ thuật hình chữ nhật



Hình mẫu kỹ thuật hình chữ nhật – Rectangle – là một dạng mô hình tiếp tục xu thế của thị trường, nó trông giống như trong một *kênh giao dịch* cho đến cuối của xu thế biến động giá chứng khoán. Hình mẫu kỹ thuật này có thể được nhận biết một cách rõ ràng thông qua hai đường nối các đỉnh và các đáy trong xu thế biến động giá chứng khoán. Đường nối các đỉnh và các đáy của xu thế biến động giá chứng khoán tạo thành đỉnh và đáy của hình chữ nhật. Những hình chữ nhật đôi khi được xem như những khung giao dịch, những khu vực củng cố hoặc bế tắc trong sự biến động của giá chứng khoán. Có nhiều sự tương đồng giữa mô hình “hình chữ nhật” – Rectangle và mô hình “tam giác cân” - Symmetrical triangle, trong khi cả hai đều là những hình mẫu kỹ thuật tiếp tục khuynh hướng của thị trường, chúng đều mang lại những thông tin khá quan trọng đó là dự báo những đỉnh và đáy của xu thế. Không như với hình mẫu kỹ thuật tam giác cân, hình mẫu kỹ thuật hình chữ nhật chỉ hoàn thiện cho tới khi "breakout" xuất hiện. thỉnh thoảng những tín hiệu sớm có thể được nhận biết, nhưng thường thì dấu hiệu "breakout" khó có thể xác định trước một cách sớm và chính xác. Rectangle có thể diễn ra trong một vài tuần hoặc trong vài tháng, thông thường thì hình mẫu này diễn ra trong khoảng ba tuần, trong trường hợp lý tưởng Rectangle có thể diễn ra trong khoảng ba tháng, nói chung những dấu hiệu "breakout" do những Rectangle diễn ra trong thời gian dài thường tin cậy hơn những dấu hiệu "breakout" được mang lại bởi những Rectangle diễn ra trong khoảng thời gian ngắn hơn.

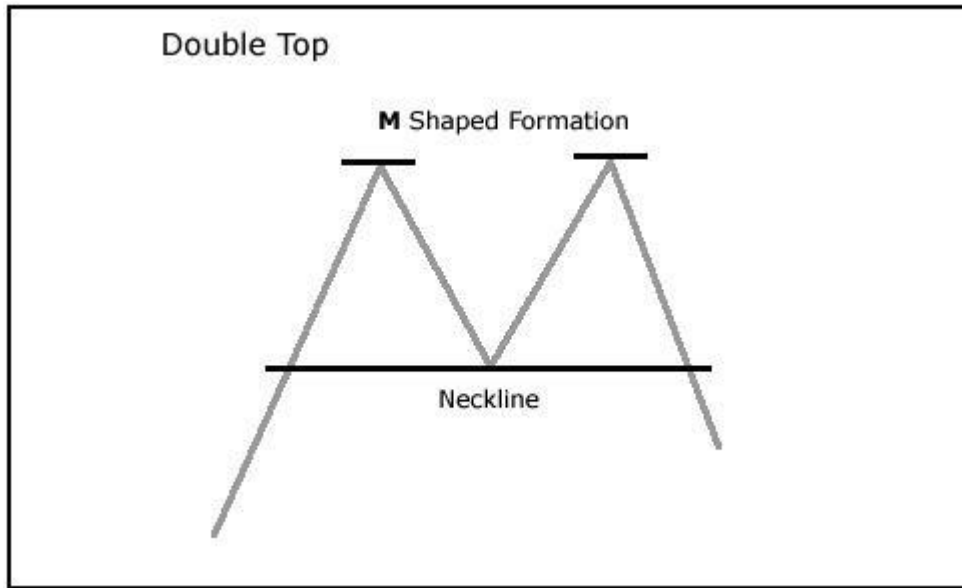
Double bottom (Mô hình hai đáy)

Mô hình hai đáy hình thành khi giá tạo thành hai điểm đáy liên tiếp trên cùng một đồ thị. Mô hình này chỉ hoàn thiện khi giá tăng vượt qua điểm bắt đầu hình thành đáy thứ hai (tức là vượt qua đường Neckline sau khi đã chạm đến đáy thứ hai). Mô hình hai đáy là thời kỳ chuyển đổi xu thế giảm giá thành xu thế tăng giá, nó mang tính đảo chiều. Có điều là mô hình này tương đối dễ nhận ra nên cũng rất dễ nhầm do đó nhà đầu tư nên cẩn thận khi quyết định tham gia trong thời kỳ này. Thực tế thống kê cho thấy nếu nhà đầu tư nóng vội tham gia ngay từ đầu thì xác suất thất bại là 64% còn nếu họ cố gắng đợi đến khi xuất hiện "breakout" (đảo chiều) thật sự thì xác suất thất bại chỉ còn 3%.



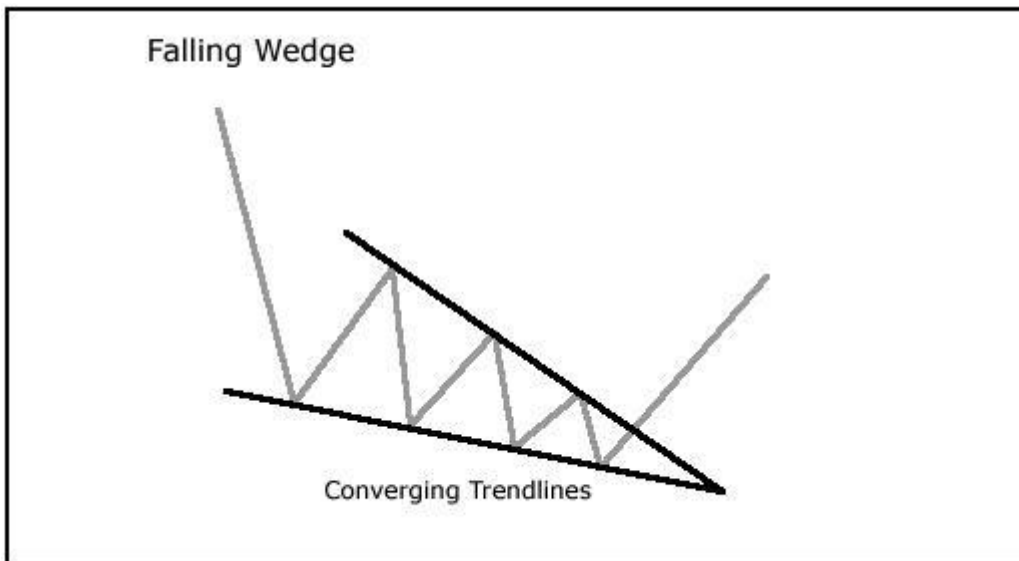
Để có thể nhận diện chính xác mô hình, nhà đầu tư nên chú ý đến một số vấn đề: đáy thứ hai không nên xuống vượt quá đáy thứ nhất; khoảng thời gian giữa hai đáy cũng là một dấu hiệu quan trọng-thời gian càng dài thì độ chính xác càng cao-it nhất phải là một tháng và có thể kéo dài nhiều tháng.

Double top (Mô hình hai đỉnh)



Mô hình hai đỉnh hình thành khi đường biểu diễn sự biến động của giá chứng khoán hình thành hai đỉnh trên biểu đồ. Mô hình này chỉ hoàn thiện khi giá chứng khoán rơi xuống dưới mức sàn đáy (điểm dưới cùng của đáy) của toàn mô hình. Mô hình hai đỉnh là mô hình thể hiện sự đảo ngược của xu hướng tăng giá chứng khoán – nó đánh dấu quá trình chuẩn bị cho xu hướng đi xuống của xu hướng tăng giá trong hiện tại (nó báo hiệu cho một thị trường giảm giá). Vì đây là mô hình rất hay thường gặp và rất dễ nhận ra nên khi nhận định về thị trường chúng ta nên xem xét một cách cẩn thận. Bolkowski ước tính mức thất bại của mô hình này là 65% nếu nhà đầu tư đợi đến mức đột biến giá (Breakout) mới tiến hành giao dịch thì mức rủi ro giảm xuống còn 17%.

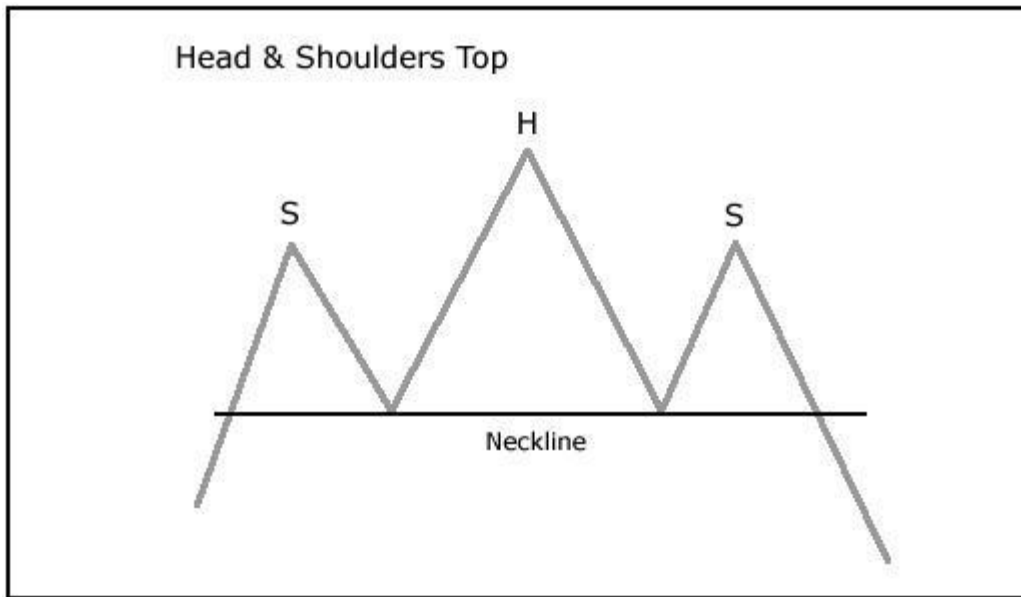
Falling wedge (Mô hình cái nêm hướng xuống):



Mô hình Falling wedge là một hình mẫu kỹ thuật dạng bullish (chỉ báo thị trường tăng giá), mô hình bắt đầu thì biên khoảng cách giữa hai đường xu thế rộng sau đó độ rộng giảm dần khi giá

chứng khoán giảm. Sự biến động của giá hình thành một hình chóp nón hướng xuống dưới do các đỉnh và đáy dần hội tụ. Hình mẫu kỹ thuật Falling wedge trượt hướng xuống phía dưới và có dấu hiệu bullish (chỉ báo thị trường tăng giá), tuy nhiên dấu hiệu bullish (chỉ báo thị trường tăng giá) này sẽ không thể được nhận ra cho đến khi có "breakout" (đảo chiều xu thế) khỏi đường kháng cự. Khi mô hình mang tính continuation (tiếp tục xu thế của thị trường), thì Falling wedge vẫn sẽ hướng xuống dưới và xu hướng này ngược với xu thế của thị trường hiện tại. Khi nó mang tính reversal (đảo ngược với xu thế của thị trường), thì Falling wedge hướng trượt xuống dưới cùng với xu thế của thị trường. Nhưng cho dù Falling wedge thuộc loại nào thì nó vẫn là hình mẫu kỹ thuật báo hiệu sự tăng giá!

Head and shoulders top (hình mẫu kỹ thuật đỉnh đầu vai)

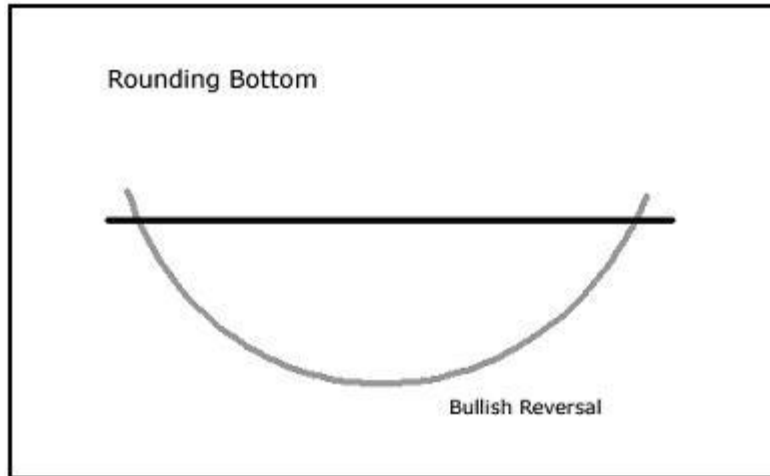


Đỉnh đầu vai là một hình mẫu kỹ thuật hết sức phổ biến đối với những nhà đầu tư vì nó là một hình mẫu kỹ thuật đáng tin cậy nhất trong tất cả những hình mẫu kỹ thuật được trình bày trong đề tài nghiên cứu này, đồng thời nó cũng thường được nhận ra một cách dễ dàng. Những nhà phân tích kỹ thuật ít kinh nghiệm thường mắc lỗi đối với hình mẫu kỹ thuật này vì họ nhận thấy nó xuất hiện khá phổ biến trên biểu đồ. Những nhà phân tích kỹ thuật chuyên nghiệp thường nhận biết hình mẫu kỹ thuật này thông qua những biến cố thực sự. Đỉnh đầu vai là loại hình mẫu kỹ thuật đảo ngược xu thế của thị trường. Nó là dấu hiệu quan trọng đánh dấu sự đảo chiều của xu thế biến động giá chứng khoán từ xu thế tăng giá chuyển thành xu thế giảm giá.

Hình mẫu kỹ thuật đỉnh đầu vai thực ra là sự mô phỏng theo hình dáng đầu và hai vai của con người, hình mẫu gồm ba đỉnh cao nhọn được tạo bởi ba điểm khôi phục - tăng giá trở lại sau khi giá giảm trong sự biến động của giá chứng khoán. Đỉnh đầu tiên - vai trái - xuất hiện khi giá chứng khoán tăng đạt tới đỉnh của nó và sau đó giảm xuống. Đỉnh thứ hai - cái đầu - xảy ra khi giá chứng khoán tăng lên đến một đỉnh cao mới cao hơn đỉnh của vai trái rồi sau đó lại giảm xuống. Đỉnh thứ ba - vai phải - xuất hiện khi giá chứng khoán tăng một lần nữa nhưng không cao bằng đỉnh thứ hai, rồi lại giảm xuống sau khi đã đạt được đỉnh của nó. Đỉnh của hai "vai" chắc chắn sẽ thấp hơn đỉnh của "đầu". Trong mô hình phân tích cổ điển thì hai đỉnh của hai vai phải cân bằng với nhau nhưng điều quan trọng nhất quyết định của mô hình này đó chính là đường nối hai đáy của hai vai gọi là đường "vòng cổ" - neckline - mô hình sẽ bị phá vỡ khi đường vòng cổ bị xuyên chéo bởi giá chứng khoán và giá chứng khoán tiếp tục giảm xuống dưới

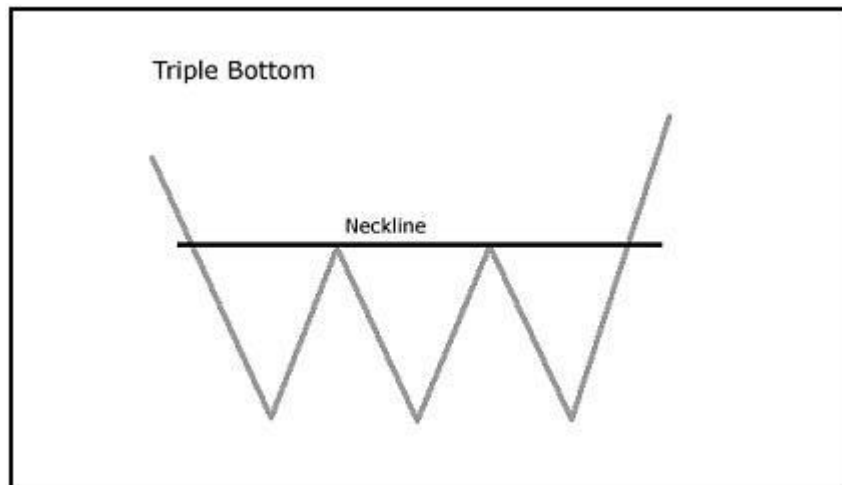
đường “vòng cổ” – neckline – các chuyên viên Phân tích kỹ thuật cho rằng mô hình không được khẳng định là đúng cho tới khi giá chứng khoán giảm xuống dưới đường “vòng cổ” – neckline.

Rounding bottom (hình mẫu kỹ thuật đáy vòng cung)



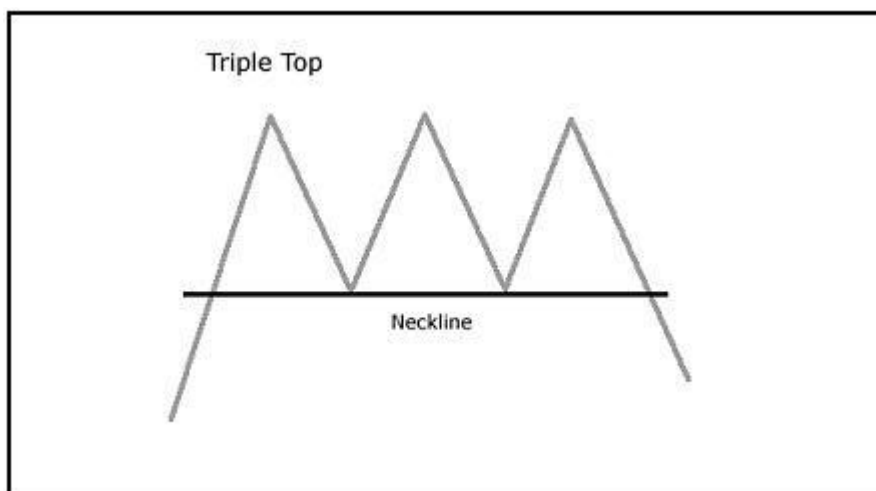
Rounding bottom là một hình mẫu kỹ thuật đảo ngược xu hướng biến động thị trường – reversal – dài hạn, nó thường được dùng để phân tích với biểu đồ hàng tuần. Nó đại diện cho một thời kỳ củng cố dài hạn trong xu thế biến động của giá chứng khoán, nó là mô hình chuyển tiếp từ một khuynh hướng giảm giá liên tục – Bearish – sang một khuynh hướng tăng giá mạnh – bullish. Sự xác nhận của khuynh hướng tăng giá mới – bullish – khi khuynh hướng biến động giá chứng khoán vượt qua đường miệng của vòng cung, nó đánh dấu một khuynh hướng mới trong quá trình biến động của giá chứng khoán, như một mức hỗ trợ của sự đột biến giá chứng khoán, đường này cũng được coi là mức kháng cự của xu thế mới. Tuy nhiên, Rounding bottom đại diện cho sự đảo chiều của sự biến động giá chứng khoán trong dài hạn và mức hỗ trợ mới cũng trở thành không mấy quan trọng nữa.

Triple bottom (hình mẫu kỹ thuật ba đáy)



Mô hình ba đáy được hình thành bởi ba đáy phụ riêng biệt với mức xấp xỉ bằng nhau. Mô hình ba đáy được xem như là mô hình cải tiến của mô hình đỉnh đầu vai ngược, mô hình ba đáy là hình mẫu dạng đảo ngược xu thế biến động của thị trường. Thứ duy nhất để phân biệt giữa mô hình ba đáy và mô hình đỉnh đầu vai ngược đó chính là đỉnh - “đầu” – nằm giữa hai “vai”. Mô hình ba đáy biểu diễn xu thế giảm sút trong quá trình nó trở thành một xu thế tăng giá. như vậy nó chỉ còn hợp lệ khi nó vẫn trong quá trình giảm sút so với hai đỉnh ở giữa hay là nó chưa đi xuyên chéo qua đường vòng cổ – neckline – vượt qua mức kháng cự của mô hình. Bởi vì hình mẫu kỹ thuật này rất dễ nhầm lẫn với nhiều hình mẫu kỹ thuật khác cho nên cách chuyên viên phân tích khuyên rằng để ứng dụng mô hình này một cách có hiệu quả cao nhất trong quá trình đầu tư, chúng ta nên chờ đợi một dấu hiệu "breakout" một cách rõ ràng thông qua sự xuyên chéo của đường biểu diễn giá chứng khoán với đường kháng cự của mô hình – neckline – trước khi nhận định đây có phải thực sự là hình mẫu kỹ thuật dạng “ba đáy” hay không

Triple top (hình mẫu kỹ thuật ba đỉnh)



Mô hình ba đỉnh được xem là mô hình cải tiến của mô hình đỉnh đầu vai. Tương tự như mô hình “ba đáy” thứ duy nhất để phân biệt một cách rõ ràng giữa mô hình này với mô hình đỉnh đầu vai đó chính là đỉnh “đầu” nằm giữa hai “vai”, trong mô hình “ba đỉnh” thì ba đỉnh xấp xỉ cao bằng nhau, nhưng trong mô hình “đỉnh đầu vai” thì hoàn toàn khác, đỉnh đầu cao hơn hẳn so với hai vai hai bên. Như hình minh họa ở bên dưới thì mô hình “ba đỉnh” được hình thành từ ba đỉnh sắc nhọn, cả ba đỉnh có độ cao gần bằng nhau. Một đỉnh trong bộ ba xuất hiện khi giá chứng khoán đang ở trong giai đoạn tăng giá, sự tăng giá lên tới mức kháng cự của mô hình sau đó giá chứng khoán giảm xuống mức hỗ trợ của mô hình, sau đó xuất hiện sự tăng giá trở lại nhưng chỉ đạt đến mức kháng cự ngang bằng với mức kháng cự của mô hình và lại giảm xuống, sự tăng giá trở lại mức kháng cự thứ ba trước khi giá chứng khoán bị giảm một cách nhanh chóng xuống dưới mức hỗ trợ của mô hình. Hình mẫu kỹ thuật ba đỉnh là một hình mẫu dạng đảo chiều của thị trường nó đánh dấu một thời kỳ chuyển tiếp giữa một xu thế tăng giá và một xu thế giảm giá. Điều kiện đầu tiên của mô hình đó là phải được bắt đầu bằng một xu thế tăng giá. Các chuyên viên phân tích khuyên rằng nhà đầu tư nên đợi sự xuất hiện của sự xuyên chéo giữa đường biểu diễn giá chứng khoán với đường hỗ trợ của mô hình – neckline – một cách rõ ràng. nếu giá chứng khoán không giảm mạnh sau sự xuất hiện đỉnh thứ ba thì đó không phải là mô hình “ba đỉnh”. Đôi khi trong thực tế mô hình “ba đỉnh” không thực sự xảy ra một cách hoàn hảo ví dụ như ít khi ba đỉnh có độ cao xấp xỉ bằng nhau, mà sự bằng nhau chỉ mang tính chất có sự sai lệch có thể chấp nhận được.